

QUYẾT ĐỊNH

V/v công nhận tốt nghiệp hệ đại học chính quy

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH

Căn cứ Quyết định số 136/2004/QĐ-TTg ngày 02/08/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kinh tế & Quản trị kinh doanh thuộc Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 27/NQ-ĐHKT&QTKD-HĐT ngày 29 tháng 4 năm 2021 của Hội đồng Trường về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh, Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 14/QĐ-ĐHKT&QTKD-ĐT ngày 05 tháng 01 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế & Quản trị kinh doanh về việc ban hành Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh;

Căn cứ Quyết định số 1012/QĐ-ĐHKT&QTKD-ĐT ngày 30 tháng 8 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh về việc ban hành "Quy định về đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ của trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh";

Căn cứ kết luận cuộc họp Hội đồng xét tốt nghiệp hệ đại học chính quy đợt 2 - Năm 2025 ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh;

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận và cấp bằng tốt nghiệp cho 659 sinh viên hệ đại học chính quy đợt 2 - Năm 2025 (Phụ lục và Danh sách sinh viên tốt nghiệp kèm theo).

Điều 2. Trường phòng Đào tạo, Trường phòng Công tác – Học sinh sinh viên, các đơn vị liên quan và sinh viên có tên trong Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 

- ĐH Thái Nguyên (để b/c);
- BGH (để b/c);
- Như Điều 2 (để t/h);
- Lưu: VT, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Đinh Hồng Linh

PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số: **787** /QĐ-ĐHKT&QTKD-ĐT ngày **01** tháng **7** năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh)

Hạng tốt nghiệp	Xuất sắc	Giỏi	Khá	Trung bình	Tổng số sinh viên tốt nghề nghiệp
Ngành					
Kế toán	37	50	104	17	208
Quản trị kinh doanh	1	16	73	35	125
Tài chính - Ngân hàng	12	18	34	9	73
Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	0	7	21	1	29
Kinh tế đầu tư	10	15	22	5	52
Kinh tế phát triển	0	6	5	2	13
Luật kinh tế	3	10	17	2	32
Marketing	0	13	43	5	61
Quản lý công	3	4	27	1	35
Kinh doanh quốc tế	2	8	3	1	14
Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	1	5	11	0	17
Tổng số	69	152	360	78	659



**DANH SÁCH SINH VIÊN HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP
ĐỢT 2 - NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số: 787 /QĐ-ĐHKT&QTKD - ĐT ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế và QTKD)

Ngành: Kế toán

Chương trình đào tạo: Kế toán

KHÓA 17, 18												
STT	Mã số sinh viên	Họ và Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Số tín chỉ tích lũy	Điểm Trung bình chung tích lũy hệ 10	Điểm Trung bình chung tích lũy hệ 4	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
1	DTE2053403010765	Phạm Thị Trà My	14/05/2002	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K17 - KẾ TOÁN D	125	6,32	2,02	Trung bình	
2	DTE2053403010632	Triệu Thị Thiệp	29/01/2001	Thái Nguyên	Nữ	Nùng	K17 - KẾ TOÁN D	125	6,16	2,09	Trung bình	
3	DTE2053403010181	Nguyễn Duy Thương	24/05/2002	Cao Bằng	Nữ	Tày	K17 - KẾ TOÁN D	125	7,32	2,84	Khá	
4	DTE2053403010494	Dương Thị Mỹ Linh	08/01/2002	Thái Nguyên	Nữ	Nùng	K17 - KẾ TOÁN E	125	7,24	2,64	Khá	
5	DTE2053403010806	Phùng Trang Nhung	19/01/2001	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K17 - KẾ TOÁN E	125	7,87	3,23	Giỏi	
6	DTE2153403010462	Hồ Thị Minh Anh	18/12/2003	Thái Nguyên	Nữ	Sán Diu	K18 - KẾ TOÁN A	125	7,16	2,59	Khá	
7	DTE2153403010023	Khương Thị Vân Anh	11/11/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN A	125	6,62	2,33	Trung bình	
8	DTE2153403010039	Dương Thị Ánh	24/08/2003	Thái Nguyên	Nữ	Cao Lan	K18 - KẾ TOÁN A	125	6,5	2,22	Trung bình	
9	DTE2153403010456	Trần Thị Ngọc Ánh	09/11/2003	Nam Định	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN A	125	7,56	2,92	Khá	
10	DTE2153403010015	Vũ Thị Minh Anh	23/10/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN A	125	8,11	3,3	Giỏi	
11	DTE2153403010457	Hoàng Quỳnh Chi	12/06/2003	Bắc Kạn	Nữ	Tày	K18 - KẾ TOÁN A	125	7,35	2,75	Khá	
12	DTE2153403010025	Nguyễn Linh Chi	23/12/2003	Thái Nguyên	Nữ	Tày	K18 - KẾ TOÁN A	128	6,16	2,01	Trung bình	
13	DTE2153403010302	Nguyễn Phương Chi	26/03/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN A	125	9,28	3,98	Xuất sắc	
14	DTE2153403010041	Hoàng Thị Thanh Hà	16/06/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN A	125	8,79	3,65	Xuất sắc	
15	DTE2153403010009	Phạm Thị Ngọc Hà	08/10/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN A	125	7,18	2,77	Khá	
16	DTE2153403010473	Nguyễn Hồng Hải	11/02/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN A	125	6,79	2,5	Khá	

STT	Mã số sinh viên	Họ và Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Số tín chỉ tích lũy	Điểm Trung bình chung tích lũy hệ 10	Điểm Trung bình chung tích lũy hệ 4	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
17	DTE2153403010043	Bùi Hồng Hạnh	28/12/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN A	125	7,79	3,12	Khá	
18	DTE2153403010458	Nguyễn Thị Hạnh	24/03/2002	Lạng Sơn	Nữ	Dao	K18 - KẾ TOÁN A	125	8,5	3,53	Giỏi	
19	DTE2153403010042	Vũ Minh Hằng	26/09/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN A	125	7,34	2,77	Khá	
20	DTE2153403010045	Đỗ Thị Thanh Hiền	27/05/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN A	125	7,7	3,01	Khá	
21	DTE2153403010008	Nguyễn Thị Thu Hương	24/04/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN A	125	7,5	2,92	Khá	
22	DTE2153403010028	Đồng Thúy Hường	12/10/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN A	125	7,93	3,18	Khá	
23	DTE2153403010029	Nguyễn Thị Ngọc Lan	11/10/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN A	125	7,45	2,81	Khá	
24	DTE2153403010521	Lê Mai Linh	21/08/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN A	125	7,15	2,66	Khá	
25	DTE2153403010049	Phạm Thị Lệ Linh	29/05/2003	Bắc Kạn	Nữ	Tày	K18 - KẾ TOÁN A	125	7,2	2,74	Khá	
26	DTE2153403010012	Thái Thảo Linh	19/10/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN A	125	8,2	3,33	Giỏi	
27	DTE2153403010019	Nguyễn Yến Ly	10/06/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN A	125	6,47	2,24	Trung bình	
28	DTE2153403010448	Trịnh Tuấn Minh	21/05/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	K18 - KẾ TOÁN A	125	7,81	3,13	Khá	
29	DTE2153403010030	Vũ Trà My	25/12/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN A	125	6,84	2,5	Khá	
30	DTE2153403010463	Nguyễn Thị Quỳnh Nga	03/09/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN A	125	7,47	2,98	Khá	
31	DTE2153403010055	Đỗ Hoài Ngọc	14/10/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN A	125	7,9	3,17	Khá	
32	DTE2153403010258	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	06/10/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN A	125	8,71	3,78	Xuất sắc	
33	DTE2153403010476	Vũ Như Quỳnh	03/05/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN A	125	8,32	3,42	Giỏi	
34	DTE2153403010461	Long Thị Tâm	20/12/2003	Cao Bằng	Nữ	Nùng	K18 - KẾ TOÁN A	125	8,2	3,42	Giỏi	
35	DTE2153403010452	Dương Đức Thông	24/03/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	K18 - KẾ TOÁN A	128	8,27	3,4	Giỏi	
36	DTE2153403010036	Đặng Thị Thùy	03/08/2003	Bắc Kạn	Nữ	Tày	K18 - KẾ TOÁN A	125	7,07	2,58	Khá	
37	DTE2153403010076	Hà Thị Thanh Trà	02/06/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN A	125	8,8	3,84	Xuất sắc	
38	DTE2153403010037	Nguyễn Thu Trang	05/12/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN A	125	7,07	2,58	Khá	
39	DTE2153403010077	Trần Thị Trang	16/05/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN A	125	7,05	2,61	Khá	
40	DTE2153403010291	Bùi Phạm Như Uyên	23/07/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN A	125	7,61	2,98	Khá	
41	DTE2153403010038	Đỗ Thị Vân Anh	24/09/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN B	125	7,86	3,14	Khá	

STT	Mã số sinh viên	Họ và Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Số tín chỉ tích lũy	Điểm Trung bình chung tích lũy hệ 10	Điểm Trung bình chung tích lũy hệ 4	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
42	DTE2153403010173	Nguyễn Thị Lan Anh	02/12/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN B	125	6,97	2,58	Khá	
43	DTE2153403010201	Nguyễn Thị Bình	30/09/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN B	125	8,39	3,51	Giỏi	
44	DTE2153403010202	Hà Thị Kim Chi	06/07/2003	Sơn La	Nữ	Thái	K18 - KẾ TOÁN B	125	7,37	2,78	Khá	
45	DTE2153403010088	Lê Thị Chi	15/02/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN B	128	7,18	2,7	Khá	
46	DTE2153403010174	Trần Thị Phương Diễm	11/12/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN B	125	7,2	2,78	Khá	
47	DTE2153403010090	Nguyễn Thị Thuỳ Dung	29/08/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN B	125	8,09	3,3	Giỏi	
48	DTE2153403010203	Dương Thị Thu Hà	15/09/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN B	125	7,48	2,84	Khá	
49	DTE2153403010044	Đồng Thuý Hạnh	22/11/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN B	125	7,07	2,52	Khá	
50	DTE2153403010186	Lưu Thị Hằng	24/03/2003	Thái Nguyên	Nữ	Nùng	K18 - KẾ TOÁN B	125	7,27	2,74	Khá	
51	DTE2153403010139	Nguyễn Thị Xuân Hoa	07/06/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN B	125	7,19	2,71	Khá	
52	DTE2153403010164	Nguyễn Thị Hợp	11/11/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN B	125	6,41	2,11	Trung bình	
53	DTE2153403010177	An Thị Khánh Huyền	18/05/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN B	125	7,66	3,1	Khá	
54	DTE2153403010142	Đỗ Thu Huyền	14/10/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN B	125	8,3	3,5	Giỏi	
55	DTE2153403010198	Hà Thị Mỹ Lệ	18/01/2003	Bắc Kạn	Nữ	Tây	K18 - KẾ TOÁN B	125	7,94	3,16	Khá	
56	DTE2153403010196	Dương Thị Mùi	28/03/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN B	125	8,63	3,69	Xuất sắc	
57	DTE2153403010486	Trần Hạnh Nguyên	27/05/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN B	125	7,62	3,03	Khá	
58	DTE2153403010147	Dương Kim Oanh	16/08/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN B	125	8,76	3,71	Xuất sắc	
59	DTE2153403010180	Nguyễn Như Quỳnh	22/01/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN B	125	7,88	3,14	Khá	
60	DTE2153403010149	Đặng Thị Phương Thảo	19/12/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN B	125	8,32	3,42	Giỏi	
61	DTE2153403010148	Hoàng Thị Thảo	07/09/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN B	125	7,09	2,63	Khá	
62	DTE2153403010150	Kiều Thị Thu Thảo	29/05/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN B	125	8,17	3,36	Giỏi	
63	DTE2153403010194	Lê Thị Thu Thảo	15/09/2003	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN B	125	7,17	2,67	Khá	
64	DTE2153403010181	Nguyễn Hồng Thắm	17/04/2003	Vĩnh Phúc	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN B	125	7,44	2,89	Khá	
65	DTE2153403010207	Ngô Thị Hoài Thương	21/03/2003	Bắc Kạn	Nữ	Tây	K18 - KẾ TOÁN B	125	7,76	3,12	Khá	
66	DTE2153403010156	Triệu Thị Thu Trang	21/11/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	K18 - KẾ TOÁN B	125	7,23	2,69	Khá	

STT	Mã số sinh viên	Họ và Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Số tín chỉ tích lũy	Điểm Trung bình chung tích lũy hệ 10	Điểm Trung bình chung tích lũy hệ 4	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
67	DTE2153403010514	Đào Thị Ánh Tuyết	28/12/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN B	125	7,41	2,91	Khá	
68	DTE2153403010208	Nguyễn Thị Tường Vi	02/05/2003	Hà Nội	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN B	125	6,99	2,56	Khá	
69	DTE2153403010166	Tạ Thị Yến	13/03/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN B	125	7,47	2,83	Khá	
70	DTE2153403010238	Nguyễn Quỳnh Anh	12/07/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN C	125	7,26	2,78	Khá	
71	DTE2153403010216	Nguyễn Thị Thùy Dung	20/11/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN C	125	8,02	3,22	Giỏi	
72	DTE2153403010217	Dương Ánh Dương	17/09/2003	Hà Nam	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN C	125	7,83	3,09	Khá	
73	DTE2153403010226	Ma Thị Lệ Hà	22/05/2003	Lạng Sơn	Nữ	Tày	K18 - KẾ TOÁN C	125	7,47	2,86	Khá	
74	DTE2153403010239	Vũ Thị Thu Hà	10/01/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN C	125	7,67	3,02	Khá	
75	DTE2153403010264	Ngô Thúy Hằng	08/08/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN C	125	8,93	3,75	Xuất sắc	
76	DTE2153403010231	Vương Thu Hằng	23/10/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN C	125	7,08	2,58	Khá	
77	DTE2153403010227	Phạm Thị Hậu	24/10/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN C	125	7,03	2,58	Khá	
78	DTE2153403010490	Dương Thị Hoàn	23/04/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN C	125	7,64	3,02	Khá	
79	DTE2153403010511	Trần Khánh Huyền	22/06/2003	Bắc Kạn	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN C	125	7,26	2,74	Khá	
80	DTE2153403010265	Ma Thị Quỳnh Lan	07/09/2003	Thái Nguyên	Nữ	Tày	K18 - KẾ TOÁN C	125	7,09	2,71	Khá	
81	DTE2153403010280	Phạm Ánh Mai	13/11/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN C	125	7,19	2,76	Khá	
82	DTE2153403010097	Hoàng Thị Quỳnh Nga	14/10/2002	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN C	125	8,67	3,69	Xuất sắc	
83	DTE2153403010122	Ngô Thị Ngọc	21/06/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN C	125	7,87	3,3	Giỏi	
84	DTE2153403010235	Nguyễn Thị Phương Oanh	23/10/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN C	125	7,42	2,92	Khá	
85	DTE2153403010123	Trần Thị Phụng	16/11/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN C	125	8,73	3,77	Xuất sắc	
86	DTE2153403010242	Phạm Ngọc Quỳnh	11/04/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN C	125	7,73	3,06	Khá	
87	DTE2153403010271	Dương Thị Thảo	20/08/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN C	125	7,79	3,14	Khá	
88	DTE2153403010189	Ma Thị Ánh Thiều	01/01/2003	Thái Nguyên	Nữ	Tày	K18 - KẾ TOÁN C	125	7,38	2,82	Khá	
89	DTE2153403010127	Dương Ngọc Thương	15/10/2003	Thái Nguyên	Nữ	Nùng	K18 - KẾ TOÁN C	125	7,38	2,83	Khá	
90	DTE2153403010494	Hà Nhật Thương	11/05/2003	Bắc Kạn	Nữ	Tày	K18 - KẾ TOÁN C	125	7,04	2,61	Khá	
91	DTE2153403010298	Ma Tú Anh	29/11/2003	Đắk Nông	Nữ	Tày	K18 - KẾ TOÁN D	125	8,77	3,7	Xuất sắc	

STT	Mã số sinh viên	Họ và Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Số tín chỉ tích lũy	Điểm Trung bình chung tích lũy hệ 10	Điểm Trung bình chung tích lũy hệ 4	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
92	DTE2153403010507	Nguyễn Quỳnh Anh	08/03/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN D	125	8,87	3,82	Xuất sắc	
93	DTE2153403010300	Nguyễn Thị Bích	18/10/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN D	125	7,51	2,94	Khá	
94	DTE2153403010301	Nguyễn Thị Kim Chi	23/02/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN D	125	7,2	2,67	Khá	
95	DTE2153403010485	Vũ Hoàng Đạt	14/11/2003	Thái Nguyên	Nam	Sán chỉ	K18 - KẾ TOÁN D	125	8,11	3,37	Giỏi	
96	DTE2153403010284	Dương Phương Giang	11/10/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN D	125	6,91	2,47	Trung bình	
97	DTE2153403010465	Hồ Thị Hoa	02/06/2002	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN D	125	8,22	3,38	Giỏi	
98	DTE2153403010318	Nguyễn Quỳnh Hương	06/07/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN D	125	8,37	3,5	Giỏi	
99	DTE2153403010328	Nguyễn Thị Lan	12/03/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN D	125	8,19	3,36	Giỏi	
100	DTE2153403010332	Lương Thúy Linh	18/03/2003	Thái Nguyên	Nữ	Nùng	K18 - KẾ TOÁN D	125	8,82	3,82	Xuất sắc	
101	DTE2153403010349	Nguyễn Thị Huyền Linh	16/03/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN D	125	8,37	3,48	Giỏi	
102	DTE2153403010335	Nguyễn Thị Thu Mai	03/07/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN D	125	8,78	3,73	Xuất sắc	
103	DTE2153403010336	Nguyễn Thị My	20/10/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN D	125	8,6	3,66	Xuất sắc	
104	DTE2153403010337	Vũ Thị Trang Nhung	21/09/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN D	125	7,13	2,64	Khá	
105	DTE2153403010392	Dương Thị Mai Phương	26/09/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN D	125	7,85	3,06	Khá	
106	DTE2153403010367	Nguyễn Thị Ánh Phượng	27/04/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN D	125	8,5	3,66	Xuất sắc	
107	DTE2153403010316	Nguyễn Minh Quân	04/09/2003	Tuyên Quang	Nam	Dao	K18 - KẾ TOÁN D	125	7,88	3,18	Khá	
108	DTE2153403010433	Nguyễn Thị Phương Thanh	02/09/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN D	125	8,15	3,32	Giỏi	
109	DTE2153403010310	Dương Thị Thảo	02/03/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN D	125	7	2,51	Khá	
110	DTE2153403010353	Đỗ Thị Thảo	20/06/2003	Hà Nội	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN D	125	8,68	3,71	Xuất sắc	
111	DTE2153403010338	Nguyễn Thị Thanh Thảo	21/10/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN D	125	8,51	3,58	Giỏi	
112	DTE2153403010369	Nguyễn Thị Thu Thảo	19/01/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN D	125	7,26	2,75	Khá	
113	DTE2153403010339	Trần Thị Kim Thoa	10/10/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN D	125	8,55	3,6	Xuất sắc	
114	DTE2153403010341	Nông Thị Thuỳ	04/08/2001	Thái Nguyên	Nữ	Tày	K18 - KẾ TOÁN D	125	8,7	3,7	Xuất sắc	
115	DTE2153403010311	Nguyễn Thị Thủy	23/12/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN D	125	6,22	2,07	Trung bình	
116	DTE2153403010126	Trần Thị Hoài Thương	30/11/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN D	125	6,27	2,15	Trung bình	

STT	Mã số sinh viên	Họ và Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Số tín chỉ tích lũy	Điểm Trung bình chung tích lũy hệ 10	Điểm Trung bình chung tích lũy hệ 4	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
117	DTE2153403010372	Lê Thùy Trang	05/06/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KÊ TOÁN D	125	8,46	3,63	Xuất sắc	
118	DTE2153403010429	Trần Thị Thu Trang	21/11/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KÊ TOÁN D	125	8,25	3,3	Giỏi	
119	DTE2153403010343	Ma Thị Thanh Trúc	29/11/2003	Thái Nguyên	Nữ	Tày	K18 - KÊ TOÁN D	125	8,59	3,65	Xuất sắc	
120	DTE2153403010109	Nông Tiểu Tuyền	24/10/2003	Thái Nguyên	Nữ	Nùng	K18 - KÊ TOÁN D	125	7,43	2,81	Khá	
121	DTE2153403010344	Đoàn Thanh Vân	04/03/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KÊ TOÁN D	125	8,96	3,77	Xuất sắc	
122	DTE2153403010292	Nguyễn Thị Hải Yến	11/10/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KÊ TOÁN D	125	7,61	2,94	Khá	
123	DTE2153403010464	Nguyễn Ngọc Ánh	14/01/2003	Thái Nguyên	Nữ	Tày	K18 - KÊ TOÁN E	125	6,95	2,5	Khá	
124	DTE2153403010435	Hoàng Thị Kiều Diễm	12/01/2003	Cao Bằng	Nữ	Tày	K18 - KÊ TOÁN E	125	7,2	2,74	Khá	
125	DTE2153403010399	Đinh Thị Xuân Diệu	06/06/2003	Bắc Kạn	Nữ	Tày	K18 - KÊ TOÁN E	125	7,11	2,63	Khá	
126	DTE2153403010422	Lã Thị Du	09/12/2003	Lạng Sơn	Nữ	Tày	K18 - KÊ TOÁN E	125	7,39	2,82	Khá	
127	DTE2153403010397	Nguyễn Thị Bích Đào	16/01/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KÊ TOÁN E	125	8,36	3,49	Giỏi	
128	DTE2153403010513	Nông Thị Hạnh	03/12/2003	Bắc Kạn	Nữ	Tày	K18 - KÊ TOÁN E	125	7,22	2,78	Khá	
129	DTE2153403010380	Trần Thị Thu Hằng	30/04/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KÊ TOÁN E	128	8,14	3,44	Giỏi	
130	DTE2153403010360	Nguyễn Thị Hiền	20/08/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KÊ TOÁN E	125	8,01	3,26	Giỏi	
131	DTE2153403010487	Nguyễn Lê Huyền Hoa	23/10/2003	Thái Nguyên	Nữ	Tày	K18 - KÊ TOÁN E	125	8,02	3,27	Giỏi	
132	DTE2153403010382	Nguyễn Ngọc Hoài	24/12/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KÊ TOÁN E	125	8,09	3,34	Giỏi	
133	DTE2153403010437	Đỗ Thị Thùy Linh	21/05/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KÊ TOÁN E	125	9,09	3,9	Xuất sắc	
134	DTE2153403010502	Hoàng Thị Nhật Linh	24/01/2003	Lạng Sơn	Nữ	Tày	K18 - KÊ TOÁN E	125	6,9	2,53	Khá	
135	DTE2153403010447	Nguyễn Ngọc Linh	18/09/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KÊ TOÁN E	125	8,21	3,34	Giỏi	
136	DTE2153403010288	Nguyễn Thị Tùng Linh	05/10/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KÊ TOÁN E	125	7,35	2,91	Khá	
137	DTE2153403010404	Nông Thị Khánh Linh	26/09/2003	Bắc Kạn	Nữ	Tày	K18 - KÊ TOÁN E	125	8,08	3,3	Giỏi	
138	DTE2153403010445	Phạm Thị Linh	18/11/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KÊ TOÁN E	125	8,03	3,28	Giỏi	
139	DTE2153403010424	Phạm Thùy Linh	09/05/2003	Bắc Kạn	Nữ	Kinh	K18 - KÊ TOÁN E	125	7,93	3,22	Giỏi	
140	DTE2153403010387	Trần Khánh Linh	08/12/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KÊ TOÁN E	125	7,29	2,78	Khá	
141	DTE2153403010425	Vũ Khánh Linh	23/06/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KÊ TOÁN E	125	7,59	2,91	Khá	

STT	Mã số sinh viên	Họ và Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Số tín chỉ tích lũy	Điểm Trung bình chung tích lũy hệ 10	Điểm Trung bình chung tích lũy hệ 4	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
142	DTE2153403010405	Vũ Thị Quỳnh Mai	14/10/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN E	125	8,67	3,7	Giỏi	Hạ hạng tốt nghiệp
143	DTE2153403010391	Hà La Ngát	03/11/2003	Bắc Kạn	Nữ	Tày	K18 - KẾ TOÁN E	125	7,45	2,91	Khá	
144	DTE2153403010522	Nguyễn Khánh Ngân	01/07/2003	Sơn La	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN E	125	7,22	2,71	Khá	
145	DTE2153403010364	Lê Thị Nghiên	18/08/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN E	125	8,33	3,49	Giỏi	
146	DTE2153403010427	Lý Thị Ngọc	15/02/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	K18 - KẾ TOÁN E	125	7,66	3,01	Khá	
147	DTE2153403010365	Nguyễn Quỳnh Nhi	30/11/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN E	125	7,31	2,74	Khá	
148	DTE2153403010451	Trần Thị Hồng Nhung	18/05/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN E	128	7,95	3,31	Giỏi	
149	DTE2153403010408	Ngô Thị Thành	20/10/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN E	125	8,28	3,41	Giỏi	
150	DTE2153403010377	Bùi Phương Thảo	07/12/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN E	125	7,23	2,72	Khá	
151	DTE2153403010376	Dương Phương Thảo	16/06/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN E	125	8,63	3,69	Xuất sắc	
152	DTE2153403010438	Phạm Phương Thảo	05/03/2003	Thái Bình	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN E	125	8,66	3,62	Xuất sắc	
153	DTE2153403010395	Dương Thị Thủy	24/11/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN E	125	8,76	3,79	Xuất sắc	
154	DTE2153403010533	Nguyễn Thị Thanh Trà	22/08/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN E	125	7,38	2,81	Khá	
155	DTE2153403010378	Vũ Thị Minh Trang	13/07/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN E	125	7,99	3,37	Giỏi	
156	DTE2153403010431	Trần Yến Vy	29/11/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN E	125	8,03	3,32	Giỏi	
157	DTE2153403010411	Nguyễn Thị Hải Yến	23/11/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN E	125	8,58	3,62	Xuất sắc	

Ấn định danh sách 157 sinh viên. 

DANH SÁCH SINH VIÊN HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP
ĐỢT 2 - NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: 117/QĐ-ĐHKT&QTKD - ĐT ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế và QTKD)

Ngành: Kế toán

Chương trình đào tạo: Kế toán tổng hợp

KHÓA 17, 18												
STT	Mã số sinh viên	Họ và Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Số tín chỉ tích lũy	Điểm Trung bình chung tích lũy hệ 10	Điểm Trung bình chung tích lũy hệ 4	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
1	DTE1753403010143	Đinh Thị Thanh Huệ	06/07/1999	Yên Bái	Nữ	Kinh	K14 - Kế toán Tổng hợp D	129	6,19	2,03	Trung bình	
2	DTE1873403010517	Ngô Thị Thảo Ngân	12/02/2000	Bắc Giang	Nữ	Kinh	K15 - Kế toán Tổng hợp E	126	7,15	2,67	Khá	
3	DTE1873403010421	Ngô Thị Thịnh	06/01/2000	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K15 - Kế toán Tổng hợp E	126	6,69	2,35	Trung bình	
4	DTE1953403010048	Cao Mai Hoa	16/08/2001	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K16 - Kế toán Tổng hợp A	127	6,89	2,5	Khá	
5	DTE1953403010213	Phạm Thu Thảo	14/06/2001	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K16 - Kế toán Tổng hợp B	127	6,94	2,5	Khá	
6	DTE1953403010377	Nguyễn Thị Hoài	23/09/2001	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K16 - Kế toán Tổng hợp D	127	6,44	2,15	Trung bình	

Ấn định danh sách 06 sinh viên, 

**DANH SÁCH SINH VIÊN HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP
ĐỢT 2 - NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số: 787 /QĐ-ĐHKT&QTKD - ĐT ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế và QTKD)

Ngành: Kế toán

Chương trình đào tạo: Kế toán tổng hợp chất lượng cao

KHÓA 15, 17												
STT	Mã số sinh viên	Họ và Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Số tín chỉ tích lũy	Điểm Trung bình chung tích lũy hệ 10	Điểm Trung bình chung tích lũy hệ 4	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
1	DTE2153403010347	Đỗ Thùy Dung	28/07/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K17 - Kế toán Tổng hợp Chất lượng cao	125	8,73	3,75	Xuất sắc	
2	DTE2053403010718	Bạch Thị Thanh	10/10/2002	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K17 - Kế toán Tổng hợp Chất lượng cao	125	8,97	3,9	Xuất sắc	
3	DTE1873402010006	Nguyễn Đức Anh	02/01/2000	Thái Nguyên	Nam	Kinh	K15 - Kế toán Tổng hợp Chất lượng cao	126	6,82	2,45	Trung bình	

Ấn định danh sách 03 sinh viên. Phan

**DANH SÁCH SINH VIÊN HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP
ĐỢT 2 - NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số: 787 /QĐ-ĐHKT&QTKD - ĐT ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế và QTKD)

Ngành: Kế toán

Chương trình đào tạo: Kế toán kiểm toán

KHÓA 17, 18													
STT	Mã số sinh viên	Họ và Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Số tín chỉ tích lũy	Điểm Trung bình chung tích lũy hệ 10	Điểm Trung bình chung tích lũy hệ 4	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú	
1	DTE2053403010464	Nguyễn Thị Huyền	23/09/2002	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K17 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN	128	7,9	3,15	Khá		
2	DTE2053403010767	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	10/08/2002	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K17 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN	125	6,46	2,27	Trung bình		
3	DTE2153403010063	Phạm Nguyễn Mai Anh	04/09/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN A	125	7,56	2,89	Khá		
4	DTE2153403010114	Hoàng Dương Chi	20/01/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN A	125	7,49	2,85	Khá		
5	DTE2153403010499	Đinh Hồng Diễm	10/06/2003	Bắc Kạn	Nữ	Tày	K18 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN A	125	8,15	3,41	Giỏi		
6	DTE2153403010116	Lưu Thùy Dương	23/10/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN A	125	7,21	2,72	Khá		
7	DTE2153403010478	Nguyễn Anh Đào	03/05/2003	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN A	125	7,77	3,1	Khá		
8	DTE2153403010118	Phạm Ngọc Hà	19/12/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN A	125	7,94	3,28	Giỏi		
9	DTE2153403010443	Nguyễn Mỹ Hạnh	10/01/2002	Yên Bái	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN A	125	7,98	3,29	Giỏi		
10	DTE2153403010248	Phan Thanh Hằng	12/04/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN A	125	7,37	2,85	Khá		
11	DTE2153403010093	Bùi Thị Hoa	29/01/2001	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN A	128	7,78	3,03	Khá		
12	DTE2153403010466	Lê Thị Hồng Hoa	27/09/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN A	125	8,7	3,77	Xuất sắc		
13	DTE2153403010206	Đỗ Trọng Khánh	18/05/2003	Thái Nguyên	Nam	Kinh	K18 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN A	125	7,94	3,22	Giỏi		
14	DTE2153403010072	Đặng Thùy Linh	28/07/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN A	125	8,61	3,69	Xuất sắc		
15	DTE2153403010459	Nguyễn Thị Luyến	30/12/2003	Thái Nguyên	Nữ	Tày	K18 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN A	125	8,19	3,32	Giỏi		
16	DTE2153403010482	Hoàng Thị Lương	27/01/2003	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN A	125	9,06	3,83	Xuất sắc		

KHÓA 17, 18

STT	Mã số sinh viên	Họ và Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Số tín chỉ tích lũy	Điểm Trung bình chung tích lũy hệ 10	Điểm Trung bình chung tích lũy hệ 4	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
17	DTE2153403010099	Đỗ Thị Thúy Ngân	08/05/2001	Hưng Yên	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN A	128	7,97	3,28	Giỏi	
18	DTE2153403010467	Nguyễn Thị Trang Nhung	26/06/2003	Hà Nội	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN A	125	7,56	2,94	Khá	
19	DTE2153403010034	Nguyễn Như Quỳnh	07/05/2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN A	125	6,78	2,47	Trung bình	
20	DTE2153403010075	Nông Ngọc Thảo	24/11/2003	Thái Nguyên	Nữ	Tày	K18 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN A	128	7,44	2,88	Khá	
21	DTE2153403010124	Nông Thị Thu	23/11/2003	Thái Nguyên	Nữ	Tày	K18 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN A	125	8,82	3,66	Xuất sắc	
22	DTE2153403010128	Huỳnh Thị Thu Trang	03/01/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN A	125	8,31	3,35	Giỏi	
23	DTE2153403010132	Lục Ánh Tuyết	05/10/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	K18 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN A	125	7,87	3,2	Giỏi	
24	DTE2153403010283	Hoàng Thùy Dương	01/10/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN B	125	8,21	3,37	Giỏi	
25	DTE2153403010254	Nguyễn Thị Thùy Dương	18/12/2003	Bắc Kạn	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN B	125	7,22	2,72	Khá	
26	DTE2153403010285	Phùng Thị Hằng	01/04/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN B	125	7,15	2,65	Khá	
27	DTE2153403010218	Nguyễn Thị Hiền	05/03/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN B	125	8,62	3,64	Xuất sắc	
28	DTE2153403010240	Hoàng Thị Minh Hiếu	10/02/2003	Bắc Kạn	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN B	125	9,22	3,89	Xuất sắc	
29	DTE2153403010475	Nguyễn Thị Thùy Linh	24/12/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN B	125	7,5	2,9	Khá	
30	DTE2153403010386	Phạm Lê Khánh Linh	27/07/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN B	125	7,82	3,24	Giỏi	
31	DTE2153403010274	Vũ Thùy Linh	23/05/2003	Hà Nội	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN B	125	7,66	2,98	Khá	
32	DTE2153403010289	Cù Vũ Hiền Lương	26/08/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN B	125	7,91	3,2	Giỏi	
33	DTE2153403010503	Phạm Minh Ngọc	22/06/2003	Nam Định	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN B	125	7,42	2,83	Khá	
34	DTE2153403010307	Dương Thảo Nguyên	05/10/2003	Thái Nguyên	Nữ	Tày	K18 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN B	125	7,93	3,23	Giỏi	
35	DTE2153403010261	Nguyễn Thị Thanh Nhân	09/12/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN B	125	8,37	3,42	Giỏi	
36	DTE2153403010171	Nguyễn Thị Nhung	30/09/2003	Hà Nam	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN B	125	6,62	2,26	Trung bình	
37	DTE2153403010393	Đào Thị Phương	22/10/2003	Thái Nguyên	Nữ	Sán Diu	K18 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN B	125	7,86	3,18	Khá	
38	DTE2153403010493	Nguyễn Thị Diễm Quỳnh	28/07/2003	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN B	125	7,67	3,02	Khá	
39	DTE2153403010309	Dương Thị Thảo	16/10/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN B	125	8,8	3,73	Xuất sắc	
40	DTE2153403010342	Nguyễn Thị Tình	28/05/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN B	125	8,92	3,81	Xuất sắc	

KHÓA 17, 18

STT	Mã số sinh viên	Họ và Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Số tín chỉ tích lũy	Điểm Trung bình chung tích lũy hệ 10	Điểm Trung bình chung tích lũy hệ 4	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
41	DTE2153403010526	Trần Thu Uyên	11/07/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN B	125	8,71	3,76	Xuất sắc	
42	DTE2153403010153	Nguyễn Thành Vinh	26/10/2003	Thái Nguyên	Nam	Kinh	K18 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN B	125	7,89	3,07	Khá	

Ấn định danh sách 42 sinh viên. *Am*

DANH SÁCH SINH VIÊN HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

ĐỢT 2 - NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: 787/QĐ-BHKT&QTKD - DT ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế và QTKD)

Ngành: Quản trị kinh doanh

Chương trình đào tạo: Quản trị doanh nghiệp

KHÓA 14											
STT	Mã số sinh viên	Họ và Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số tín chỉ tích lũy	Điểm Trung bình chung tích lũy hệ 10	Điểm Trung bình chung tích lũy hệ 4	Xếp loại tốt nghiệp	Chi chú
1	DTE1753401010119	Lêng Hoàng Trọng	15/02/1999	Bắc Kạn	Nam	Tây	126	6,38	2,17	Trung bình	
							Lớp				

Ấn định danh sách 01 sinh viên *đúng*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Kèm theo Quyết định số: 787/QĐ-BHKT&QTKD - DT ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế và QTKD)

Chương trình đào tạo: Quản trị kinh doanh tổng hợp

KHÓA 15												
Chương trình đào tạo: Quản trị kinh doanh tổng hợp												
STT	Mã số sinh viên	Họ và Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Số tín chỉ tích lũy	Điểm Trung bình chung tích lũy hệ 10	Điểm Trung bình chung tích lũy hệ 4	Xếp loại tốt nghiệp	Chi chú
1	DTE1873401010082	Nguyễn Mạnh Huy	26/01/2000	Thái Bình	Nam	Kinh	K15 - Quản trị Kinh doanh Tổng hợp A	126	6,5	2,24	Trung bình	
2	DTE1873401010226	Ma Thị Uyên	18/10/2000	Thái Nguyên	Nữ	Tây	K15 - Quản trị Kinh doanh Tổng hợp D	126	7,08	2,5	Khá	

DANH SÁCH SINH VIÊN HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP
ĐỢT 2 - NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: 787 /QĐ-ĐHKT&QTKD - ĐT ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế và QTKD)

Ngành: Quản trị kinh doanh

Chương trình đào tạo: Quản trị kinh doanh chất lượng cao

KHÓA 17												
STT	Mã số sinh viên	Họ và Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Số tín chỉ tích lũy	Điểm Trung bình chung tích lũy hệ 10	Điểm Trung bình chung tích lũy hệ 4	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
1	DTE2053401010565	Nguyễn Văn Hoàng	07/10/2002	Thái Nguyên	Nam	Kinh	K17 - Quản trị Kinh doanh chất lượng cao	125	7,6	2,89	Khá	
2	DTE2053401010528	Trần Xuân Hợp	22/06/2002	Thái Nguyên	Nam	Kinh	K17 - Quản trị Kinh doanh chất lượng cao	125	7,3	2,71	Khá	

Ấn định danh sách 02 sinh viên. huy

DANH SÁCH SINH VIÊN HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP
ĐỢT 2 - NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: 787/QĐ-ĐHKT&QTKD - DT ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế và QTKD)

Ngành: Quản trị kinh doanh

Chương trình đào tạo: Quản trị kinh doanh

KHÓA 17, 18

STT	Mã số sinh viên	Họ và Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Số tín chỉ tích lũy	Điểm Trung bình chung tích lũy hệ 10	Điểm Trung bình chung tích lũy hệ 4	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
1	DTE2053401010009	Nguyễn Thành An	22/05/2002	Thái Nguyên	Nam	Kinh	K17 - QUẢN TRỊ KINH DOANH A	128	7,31	2,77	Khá	
2	DTE2053401010260	Dương Thị Ngọc Ánh	26/03/2002	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	K17 - QUẢN TRỊ KINH DOANH A	125	7,4	2,78	Khá	
3	DTE2053401010044	Ninh Mỹ Hạnh	11/02/2002	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K17 - QUẢN TRỊ KINH DOANH A	125	6,58	2,29	Trung bình	
4	DTE2053401010602	Nguyễn Thị Thu Uyên	08/10/2002	Bắc Giang	Nữ	Kinh	K17 - QUẢN TRỊ KINH DOANH A	125	7,04	2,6	Khá	
5	DTE2053401010076	Nguyễn Dương Long	29/10/2002	Bắc Kạn	Nam	Tày	K17 - QUẢN TRỊ KINH DOANH B	125	7,01	2,5	Khá	
6	DTE2053404030071	Ngô Đức Lương	10/06/2001	Thái Nguyên	Nam	Kinh	K17 - QUẢN TRỊ KINH DOANH B	125	7,63	3,09	Khá	
7	DTE2053401010164	Bùi Thanh Minh	16/12/2002	Gia Lai	Nữ	Kinh	K17 - QUẢN TRỊ KINH DOANH B	125	6,94	2,49	Trung bình	
8	DTE2053401010088	Nguyễn Thị Thanh Ngân	27/08/2002	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K17 - QUẢN TRỊ KINH DOANH B	125	6,12	2,04	Trung bình	
9	DTE2053401010093	Dương Ánh Nguyệt	12/03/2002	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K17 - QUẢN TRỊ KINH DOANH B	125	6,41	2,22	Trung bình	
10	DTE2053401010555	Nguyễn Phương Thảo	12/11/2001	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K17 - QUẢN TRỊ KINH DOANH B	125	6,94	2,58	Khá	
11	DTE2053401010168	Đặng Thùy Trang	28/06/2002	Thái Nguyên	Nữ	Tày	K17 - QUẢN TRỊ KINH DOANH B	125	6,24	2,08	Trung bình	
12	DTE2053401010210	Trần Quang Hiệp	07/09/2002	Thái Nguyên	Nam	Kinh	K17 - QUẢN TRỊ KINH DOANH D	125	6,26	2,01	Trung bình	
13	DTE2053401010188	Hoàng Trọng Nghĩa	06/11/2002	Bắc Kạn	Nam	Nùng	K17 - QUẢN TRỊ KINH DOANH D	125	6,65	2,36	Trung bình	
14	DTE2053401010428	Nguyễn Ngọc Phúc	09/08/2001	Thái Nguyên	Nam	Kinh	K17 - QUẢN TRỊ KINH DOANH D	125	6,92	2,53	Khá	

KHÓA 17, 18

STT	Mã số sinh viên	Họ và Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Số tín chỉ tích lũy	Điểm Trung bình chung tích lũy hệ 10	Điểm Trung bình chung tích lũy hệ 4	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
15	DTE2053401010193	Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	06/11/2002	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K17 - QUẢN TRỊ KINH DOANH D	125	6,86	2,46	Trung bình	
16	DTE2053401010485	Dương Thị Thanh Thúy	30/08/2002	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K17 - QUẢN TRỊ KINH DOANH D	125	7,45	2,84	Khá	
17	DTE2053401010536	Lý Kiều Trang	16/08/2002	Thái Nguyên	Nữ	Sán Diu	K17 - QUẢN TRỊ KINH DOANH D	125	7,3	2,74	Khá	
18	DTE2153401010038	Hà Thị Vân Dung	17/05/2003	Bắc Kạn	Nữ	Tày	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH A	125	7,23	2,7	Khá	
19	DTE2153401010026	Nguyễn Tiến Dũng	21/07/2003	Thái Nguyên	Nam	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH A	125	7,65	3,04	Khá	
20	DTE2153401010180	Thuận Tiến Dũng	16/09/2003	Thái Nguyên	Nam	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH A	125	6,53	2,23	Trung bình	
21	DTE2153401010046	Trần Khánh Duy	21/04/2002	Thái Nguyên	Nam	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH A	125	7,2	2,67	Khá	
22	DTE2153401010056	Ngô Ngọc Duyên	25/12/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH A	125	6,44	2,17	Trung bình	
23	DTE2153401010028	Nguyễn Thị Duyệt	07/07/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH A	125	7,27	2,72	Khá	
24	DTE2153401010024	Vũ Minh Đức	23/07/2003	Ninh Bình	Nam	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH A	125	7,67	3,09	Khá	
25	DTE2153401010059	Trần Thị Hà	16/11/2002	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH A	125	7,05	2,66	Khá	
26	DTE2153401010018	Vũ Bá Hải	10/12/2003	Thái Nguyên	Nam	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH A	125	6,36	2,14	Trung bình	
27	DTE2153401010006	Nguyễn Thị Thúy Hằng	16/05/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH A	125	6,43	2,19	Trung bình	
28	DTE2153401010061	Hoàng Thị Khánh Hậu	23/12/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH A	125	7,32	2,73	Khá	
29	DTE2153401010009	Đoàn Thị Hiền	07/07/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH A	125	6,81	2,38	Trung bình	
30	DTE2153401010041	Nguyễn Thị Hiền	01/01/2003	Hà Giang	Nữ	Tày	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH A	125	6,31	2,1	Trung bình	
31	DTE2153401010326	Phạm Thị Mai Hoa	24/07/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH A	125	7,28	2,8	Khá	
32	DTE2153401010390	Nguyễn Thị Hồng	02/11/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH A	125	6,37	2,14	Trung bình	
33	DTE2153401010054	Hoàng Minh Hợp	18/01/2003	Thái Nguyên	Nam	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH A	125	6,95	2,57	Khá	
34	DTE2153401010010	Trần Thu Huyền	16/12/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH A	125	7,15	2,7	Khá	

KHÓA 17, 18

STT	Mã số sinh viên	Họ và Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Số tín chỉ tích lũy	Điểm Trung bình chung tích lũy hệ 10	Điểm Trung bình chung tích lũy hệ 4	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
35	DTE2153401010014	Đỗ Thị Thùy Linh	06/03/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH A	125	7,3	2,75	Khá	
36	DTE2153401010049	Trương Văn Linh	29/01/2003	Thái Nguyên	Nam	Tày	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH A	125	8,15	3,35	Giỏi	
37	DTE2153401010064	Nguyễn Thị Ly	19/05/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH A	125	7,61	2,93	Khá	
38	DTE2153401010007	Nguyễn Tiến Mạnh	20/07/2003	Thái Nguyên	Nam	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH A	125	7,53	2,84	Khá	
39	DTE2153401010002	Đỗ Thị Hồng Ngọc	25/10/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH A	125	6,99	2,49	Trung bình	
40	DTE2153401010033	Đồng Thị Thảo Ngọc	10/05/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH A	125	6,45	2,14	Trung bình	
41	DTE2153401010034	Nguyễn Thị Thanh Nhân	07/05/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH A	125	7,18	2,72	Khá	
42	DTE2153401010042	Hoàng Thị Hồng Nhung	04/08/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH A	125	6,56	2,25	Trung bình	
43	DTE2153401010005	Vũ Chiến Thắng	08/10/2001	Thái Nguyên	Nam	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH A	125	7,07	2,58	Khá	
44	DTE2153401010003	Hoàng Thu Trang	24/08/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH A	125	7,68	3,01	Khá	
45	DTE2153401010329	Lê Quỳnh Trang	19/05/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH A	125	7,21	2,76	Khá	
46	DTE2153401010011	Trần Thu Trang	16/12/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH A	125	7,11	2,54	Khá	
47	DTE2153401010012	Đào Thị Văn	08/11/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH A	125	6,38	2,15	Trung bình	
48	DTE2153401010069	Nguyễn Thảo Vân	15/12/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH A	125	7,08	2,66	Khá	
49	DTE2153401010104	Trần Thị An	11/10/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH B	125	8,13	3,37	Giỏi	
50	DTE2153401010088	Phạm Thị Đào	18/09/2002	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH B	125	6,95	2,54	Khá	
51	DTE2153401010332	Triệu Thị Đào	09/12/2003	Bắc Kạn	Nữ	Dao	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH B	125	7,53	2,87	Khá	
52	DTE2153401010074	Phạm Thị Thanh Giang	11/08/2003	Thái Nguyên	Nữ	Nùng	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH B	125	7,83	3,13	Khá	
53	DTE2153401010166	Đặng Lê Hà	06/01/2003	Thái Nguyên	Nam	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH B	125	7,12	2,62	Khá	
54	DTE2153401010077	Đinh Quốc Hoàng	10/03/2003	Thái Nguyên	Nam	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH B	125	7,31	2,8	Khá	

KHÓA 17, 18

STT	Mã số sinh viên	Họ và Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Số tín chỉ tích lũy	Điểm Trung bình chung tích lũy hệ 10	Điểm Trung bình chung tích lũy hệ 4	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
55	DTE2153401010089	Nông Thị Thanh Huyền	06/10/2003	Thái Nguyên	Nữ	Tày	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH B	125	7,61	2,91	Khá	
56	DTE2153401010127	Hoàng Thị Lê	04/10/2002	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH B	125	7,29	2,73	Khá	
57	DTE2153401010392	Vilaiphone Maiphone	10/12/2000	LÀO	Nam	Người nước ngoài	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH B	125	7,4	2,82	Khá	
58	DTE2153401010131	Hoàng Hữu Nghị	11/11/2002	Cao Bằng	Nam	Nùng	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH B	125	7,02	2,56	Khá	
59	DTE2153401010079	Hầu Ánh Nguyệt	27/08/2003	Thái Nguyên	Nữ	Sán chỉ	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH B	125	7,6	2,99	Khá	
60	DTE2153401010100	Dương Thị Quyên	25/10/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH B	125	6,56	2,21	Trung bình	
61	DTE2153401010141	Trần Thị Quỳnh	11/10/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH B	125	7,06	2,58	Khá	
62	DTE2153401010082	Trần Hoàng Sơn	29/04/2002	Thái Nguyên	Nam	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH B	125	6,69	2,4	Trung bình	
63	DTE2153401010122	Ngô Thị Thùy	01/09/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH B	125	9	3,82	Xuất sắc	
64	DTE2153401010102	Ngô Tú Uyên	19/03/2003	Thái Nguyên	Nữ	Sán Diu	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH B	125	6,74	2,36	Trung bình	
65	DTE2153401010330	Trần Thị Xoan	26/09/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH B	125	6,59	2,25	Trung bình	
66	DTE2153401010197	Tổng Khánh An	02/11/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH C	125	7,57	2,94	Khá	
67	DTE2153401010159	Trương Việt Anh	25/04/2003	Thái Nguyên	Nam	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH C	125	7,16	2,72	Khá	
68	DTE2153401010231	Nguyễn Kỳ Duyên	17/11/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH C	125	8,01	3,31	Giỏi	
69	DTE2153401010158	Phạm Hải Đăng	06/11/2003	Thái Nguyên	Nam	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH C	125	7,01	2,6	Khá	
70	DTE2153401010213	Đinh Thị Trà Giang	08/11/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH C	125	8,13	3,27	Khá	Hạ hạng tốt nghiệp
71	DTE2153401010148	Trần Quang Hiếu	02/08/2003	Thái Nguyên	Nam	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH C	125	8,31	3,46	Giỏi	
72	DTE2153401010232	Phạm Thu Hoài	11/03/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH C	125	8,19	3,35	Giỏi	
73	DTE2153401010214	Nguyễn Ngọc Huyền	27/12/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH C	125	8,12	3,3	Giỏi	
74	DTE2153401010201	Vũ Duy Khánh	31/08/2003	Thái Nguyên	Nam	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH C	125	7,66	2,95	Khá	

KHÓA 17, 18

STT	Mã số sinh viên	Họ và Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Số tín chỉ tích lũy	Điểm Trung bình chung tích lũy hệ 10	Điểm Trung bình chung tích lũy hệ 4	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
75	DTE2153401010218	Trần Thị Ngọc Lan	04/02/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH C	125	8,29	3,38	Giỏi	
76	DTE2153401010217	Nguyễn Vũ Lâm	28/09/2003	Thái Nguyên	Nam	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH C	125	7,28	2,78	Khá	
77	DTE2153401010317	Lã Thị Bích Liên	02/04/2003	Hà Nội	Nữ	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH C	125	8,16	3,35	Giỏi	
78	DTE2153403010460	Đinh Trà My	24/03/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH C	125	7,2	2,66	Khá	
79	DTE2153401010209	Huỳnh Thị Nga	01/03/2003	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH C	125	6,59	2,22	Trung bình	
80	DTE2153401010154	Mạc Trung Nguyên	17/07/2003	Thái Nguyên	Nam	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH C	125	6,23	2,08	Trung bình	
81	DTE2153401010204	Lộc Ngọc Trung	24/03/2003	Thái Nguyên	Nam	Nùng	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH C	125	7,87	3,17	Khá	
82	DTE2153401010179	Trần Long Vũ	06/07/2003	Thái Nguyên	Nam	Tày	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH C	125	6,61	2,23	Trung bình	
83	DTE2153401010292	Nguyễn Ngọc Anh	20/11/2003	Bắc Giang	Nữ	Nùng	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH D	125	6,62	2,19	Trung bình	
84	DTE2153401010275	Phạm Xuân Bách	04/10/2003	Thái Nguyên	Nam	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH D	125	8,31	3,49	Giỏi	
85	DTE2153401010308	Nguyễn Đình Bình	01/03/2003	Thái Nguyên	Nam	Tày	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH D	125	7,13	2,69	Khá	
86	DTE2153401010372	Hoàng Thị Dung	10/06/2003	Thái Nguyên	Nữ	Sán Diu	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH D	125	6,92	2,49	Trung bình	
87	DTE2153401010304	Đặng Mỹ Duyên	03/10/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH D	125	8,29	3,34	Giỏi	
88	DTE2153401010287	Hoàng Thị Duyên	02/05/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH D	125	7,28	2,74	Khá	
89	DTE2153401010294	Hoàng Thị Thu Hà	14/06/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH D	125	7,31	2,69	Khá	
90	DTE2153401010301	Ngô Thuý Hằng	23/01/2003	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH D	125	7,04	2,55	Khá	
91	DTE2153401010395	Trần Thị Hằng	27/12/2003	Thái Nguyên	Nữ	Nùng	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH D	125	7,25	2,73	Khá	
92	DTE2153401010394	Đỗ Thị Hoa	08/02/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH D	125	6,48	2,22	Trung bình	
93	DTE2153401010285	Nguyễn Thị Huyền	11/01/2003	Bắc Giang	Nữ	Nùng	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH D	125	7,19	2,71	Khá	
94	DTE2153401010233	Lục Thị Thu Hương	28/02/2003	Thái Nguyên	Nữ	Sán Diu	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH D	125	7,1	2,61	Khá	

KHÓA 17, 18

STT	Mã số sinh viên	Họ và Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Số tín chỉ tích lũy	Điểm Trung bình chung tích lũy hệ 10	Điểm Trung bình chung tích lũy hệ 4	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
95	DTE2153401010288	Ngô Quốc Khánh	10/07/2003	Thái Nguyên	Nam	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH D	125	6,44	2,2	Trung bình	
96	DTE2153401010297	Nguyễn Thị Phương Lan	12/02/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH D	125	8,36	3,46	Giỏi	
97	DTE2153401010235	Nông Thị Lan	22/01/2003	Thái Nguyên	Nữ	Nùng	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH D	125	6,83	2,5	Khá	
98	DTE2153401010296	Tạ Thị Lan	12/12/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH D	125	6,93	2,51	Khá	
99	DTE2153401010263	Dương Thị Lệ	20/08/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH D	125	7,77	3,09	Khá	
100	DTE2153401010352	Nguyễn Thị Trà My	15/03/2002	Thanh Hoá	Nữ	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH D	125	6,35	2,11	Trung bình	
101	DTE2153401010302	Ngô Thuý Nga	23/01/2003	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH D	125	7,14	2,7	Khá	
102	DTE2153401010289	Đinh Hồng Ngọc	23/03/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH D	125	7,05	2,5	Khá	
103	DTE2153401010311	Trần Ngọc Quyên	13/06/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH D	125	7,13	2,69	Khá	
104	DTE2153401010267	Ngô Danh Thái	08/07/2003	Thái Nguyên	Nam	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH D	125	8,15	3,24	Giỏi	
105	DTE2153401010321	Nguyễn Phương Thanh	31/05/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH D	125	7,13	2,71	Khá	
106	DTE2153401010286	Vũ Thị Mai Thanh	02/10/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH D	125	7,29	2,71	Khá	
107	DTE2153401010239	Dương Thị Phương Thảo	20/12/2003	Thái Nguyên	Nữ	Dao	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH D	128	8,18	3,3	Giỏi	
108	DTE2153401010279	Nguyễn Phương Thảo	16/03/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH D	125	7,77	3,05	Khá	
109	DTE2153401010314	Nguyễn Thị Thuý	29/09/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH D	125	7,19	2,73	Khá	
110	DTE2153401010290	Hoàng Thị Thương	27/01/2003	Bắc Kạn	Nữ	Nùng	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH D	125	8,77	3,74	Giỏi	Hạ hạng tốt nghiệp
111	DTE2153401010269	Trần Thị Thu Trà	29/01/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH D	125	6,44	2,19	Trung bình	
112	DTE2153401010272	Lê Huyền Trang	19/05/2003	Thanh Hoá	Nữ	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH D	125	6,85	2,46	Trung bình	
113	DTE2153401010377	Lục Thị Trang	09/10/2003	Bắc Giang	Nữ	Cao Lan	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH D	125	7,18	2,65	Khá	
114	DTE2153401010282	Phạm Thị Trang	02/11/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH D	125	8,05	3,28	Giỏi	

KHÓA 17, 18

STT	Mã số sinh viên	Họ và Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Số tín chỉ tích lũy	Điểm Trung bình chung tích lũy hệ 10	Điểm Trung bình chung tích lũy hệ 4	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
115	DTE2153401010270	Phan Thị Trang	25/09/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH D	125	7,21	2,66	Khá	
116	DTE2153401010259	Đào Anh Tuấn	14/11/2003	Thái Nguyên	Nam	Tày	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH D	125	7,13	2,64	Khá	
117	DTE2153401010300	Tạ Thị Tuyền	24/04/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH D	125	7,9	3,21	Giỏi	
118	DTE2153401010273	Lục Thanh Văn	19/03/2003	Bắc Kạn	Nam	Nùng	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH D	125	7,22	2,63	Khá	
119	DTE2153401010257	Nguyễn Thị Hải Yến	17/10/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH D	125	7,22	2,65	Khá	
120	DTE1953403010318	Dương Bích Ngọc	14/12/2001	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K17 - Quản trị kinh doanh (CN2)	131	7,46	2,83	Khá	

Ấn định danh sách 120 sinh viên. 

DANH SÁCH SINH VIÊN HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP
ĐỢT 2 - NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: 187/QĐ-ĐHKT&QTKD - ĐT ngày 04 tháng 7 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế và QTKD)

Ngành: Tài chính - Ngân hàng

Chương trình đào tạo: Tài chính doanh nghiệp

KHÓA 16, 18												
STT	Mã số sinh viên	Họ và Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Số tín chỉ tích lũy	Điểm Trung bình chung tích lũy hệ 10	Điểm Trung bình chung tích lũy hệ 4	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
1	DTE1873402010086	Ma Đức Thắng	30/12/1999	Thái Nguyên	Nam	Tày	K15 - Tài chính Doanh nghiệp	126	7	2,53	Khá	
2	DTE2153402010165	Đinh Thị Quỳnh Anh	21/08/2002	Ninh Bình	Nữ	Mường	K18 - TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP A	125	7,93	3,2	Giỏi	
3	DTE2153402010171	Đoàn Thị Anh	11/01/2003	Nam Định	Nữ	Kinh	K18 - TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP A	125	7,02	2,57	Khá	
4	DTE2153402010057	Triệu Ngọc Ánh	05/08/2003	Thái Nguyên	Nữ	Tày	K18 - TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP A	125	8,28	3,43	Giỏi	
5	DTE2153402010149	Lường Thị Hạnh	24/01/2003	Bắc Kạn	Nữ	Tày	K18 - TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP A	125	8,46	3,53	Giỏi	
6	DTE2153402010024	Phạm Thị Bích Hậu	31/12/2003	Thái Nguyên	Nữ	Sán Dìu	K18 - TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP A	125	8,72	3,69	Xuất sắc	
7	DTE2153402010025	Trương Mỹ Hoa	14/03/2003	Thái Nguyên	Nữ	Tày	K18 - TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP A	125	7,5	2,9	Khá	
8	DTE2153402010070	Dương Thị Huế	13/11/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP A	125	7,97	3,3	Giỏi	
9	DTE2153402010026	Nguyễn Thị Hương	21/12/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP A	125	7,25	2,69	Khá	
10	DTE2153401150072	Nguyễn Ngọc Lan	12/03/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP A	125	7,25	2,67	Khá	
11	DTE2153402010033	Bùi Thanh Lâm	22/03/2003	Thái Nguyên	Nam	Kinh	K18 - TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP A	125	8,18	3,32	Giỏi	
12	DTE2153402010012	Nguyễn Thị Linh	20/12/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP A	125	7,28	2,62	Khá	
13	DTE2153402010053	Phan Mỹ Linh	11/05/2003	Bắc Kạn	Nữ	Tày	K18 - TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP A	125	6,97	2,54	Khá	
14	DTE2153402010007	Trần Thị Phương	21/03/2003	Thái Nguyên	Nữ	Tày	K18 - TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP A	125	6,59	2,22	Trung bình	

KHÓA 16, 18

STT	Mã số sinh viên	Họ và Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Số tín chỉ tích lũy	Điểm Trung bình chung tích lũy hệ 10	Điểm Trung bình chung tích lũy hệ 4	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
15	DTE2153402010160	Hoàng Thanh Nga	24/10/2003	Nam Định	Nữ	Kinh	K18 - TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP A	125	7,96	3,26	Giỏi	
16	DTE2153402010064	Lao Thị Ngân	08/04/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP A	125	8,17	3,39	Giỏi	
17	DTE2153402010154	Bùi Quang Thành	05/05/2003	Thái Nguyên	Nam	Kinh	K18 - TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP A	125	7,73	3,01	Khá	
18	DTE2153402010035	Lê Thị Thanh Thảo	18/03/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP A	125	8,62	3,61	Xuất sắc	
19	DTE2153402010019	Đào Kim Thư	07/09/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP A	125	8,98	3,84	Giỏi	Hạ hạng tốt nghiệp
20	DTE2153402010046	Phạm Thị Thu Trà	19/02/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP A	125	7,57	2,98	Khá	
21	DTE2153402010040	Hà Thị Ngọc Vân	24/03/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP A	125	7,99	3,18	Khá	
22	DTE2153402010042	Trần Lê Xuân	31/10/2002	Bắc Kạn	Nữ	Tày	K18 - TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP A	125	8,02	3,3	Giỏi	
23	DTE2153402010181	Nông Văn Linh	05/04/2003	Thái Nguyên	Nữ	Nùng	K18 - TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP B	125	7,05	2,61	Khá	
24	DTE2153402010127	Dương Hải Yến	01/01/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP B	125	7,13	2,6	Khá	
25	DTE2153402010094	Đinh Thị Vân Anh	21/10/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP B	125	7,85	3,08	Khá	
26	DTE2153402010157	Nguyễn Thị Lan Anh	18/11/2003	Thanh Hoá	Nữ	Kinh	K18 - TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP B	125	8,73	3,6	Xuất sắc	
27	DTE2153402010098	Đào Kim Chi	11/01/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP B	125	7,73	3,03	Khá	
28	DTE2153402010116	Nguyễn Mai Chinh	15/02/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP B	125	8,75	3,66	Giỏi	Hạ hạng tốt nghiệp
29	DTE2153402010075	Phạm Thị Hoài Dương	17/02/2003	Thái Nguyên	Nữ	Tày	K18 - TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP B	125	7,45	2,83	Khá	
30	DTE2153402010099	Nguyễn Văn Hải	29/03/2003	Thái Nguyên	Nam	Kinh	K18 - TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP B	125	7,07	2,6	Khá	
31	DTE2153402010174	Trần Thị Huyền	07/11/2003	Bắc Kạn	Nữ	Tày	K18 - TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP B	125	8,4	3,48	Giỏi	
32	DTE2153402010117	Nguyễn Thị Thu Hương	21/02/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP B	125	8,1	3,26	Giỏi	
33	DTE2153402010134	Dương Văn Mười	24/05/2003	Thái Nguyên	Nam	Kinh	K18 - TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP B	125	8,72	3,74	Xuất sắc	
34	DTE2153402010112	Trần Trà My	22/07/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP B	125	7,45	2,85	Khá	
35	DTE2153402010129	Vi Thị Trà My	14/04/2003	Bắc Giang	Nữ	Hoa	K18 - TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP B	125	7,2	2,7	Khá	

KHÓA 16, 18

STT	Mã số sinh viên	Họ và Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Số tín chỉ tích lũy	Điểm Trung bình chung tích lũy hệ 10	Điểm Trung bình chung tích lũy hệ 4	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
36	DTE2153402010113	Đặng Thị Ngân	13/05/2003	Thái Nguyên	Nữ	Sán Diu	K18 - TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP B	125	8,09	3,3	Giỏi	
37	DTE2153402010095	Nguyễn Thùy Ninh	12/02/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP B	125	7,42	2,8	Khá	
38	DTE2153402010102	Nguyễn Thị Oanh	21/04/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP B	125	8,18	3,36	Giỏi	
39	DTE2153402010123	Ngô Thị Lan	30/06/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP B	125	8,03	3,33	Giỏi	
40	DTE2153402010138	Phạm Văn Thái	09/06/2003	Thái Nguyên	Nam	Kinh	K18 - TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP B	125	7,68	3,02	Khá	
41	DTE2153402010103	Đỗ Thị Thảo	30/07/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP B	125	8,68	3,62	Xuất sắc	
42	DTE2153402010087	Lều Thị Phương	09/11/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP B	125	9,29	3,94	Xuất sắc	
43	DTE2153402010126	Nguyễn Thị Thanh	22/10/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP B	125	9,21	3,94	Xuất sắc	
44	DTE2153402010166	Diệp Thị Anh	14/02/2003	Bắc Giang	Nữ	Sán Diu	K18 - TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP B	125	7,71	3,1	Khá	
45	DTE2153402010106	Khuong Thị Bảo	28/10/2003	Hà Nội	Nữ	Nùng	K18 - TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP B	125	7,21	2,78	Khá	
46	DTE2153402010089	Nghiêm Minh Tuấn	08/08/2003	Thái Nguyên	Nam	Kinh	K18 - TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP B	125	7,96	3,26	Giỏi	
47	DTE2153402010091	Quản Thị Thảo	21/03/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP B	125	8,8	3,72	Xuất sắc	
48	DTE2153402010147	Chu Văn Vũ	04/07/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	K18 - TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP B	125	8,51	3,63	Xuất sắc	
49	DTE2153402010092	Lương Bảo Yến	03/12/2003	Thái Nguyên	Nữ	Nùng	K18 - TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP B	125	7,97	3,24	Giỏi	

Ấn định danh sách 49 sinh viên. 

**DANH SÁCH SINH VIÊN HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP
ĐỢT 2 - NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số: 787 /QĐ-ĐHKT&QTKD - ĐT ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế và QTKD)

Ngành: Tài chính - Ngân hàng

Chương trình đào tạo: Tài chính ngân hàng

KHÓA 17, 18												
STT	Mã số sinh viên	Họ và Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Số tín chỉ tích lũy	Điểm Trung bình chung tích lũy hệ 10	Điểm Trung bình chung tích lũy hệ 4	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
1	DTE2053402010016	Trần Việt Hùng	11/01/2002	Thái Nguyên	Nam	Kinh	K17 - TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG A	125	6,92	2,45	Trung bình	
2	DTE2053402010046	Hoàng Văn Nhâm	06/08/2002	Bắc Giang	Nam	Sán Diu	K17 - TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG A	125	6,7	2,28	Trung bình	
3	DTE2053402010170	Cao Khánh Linh	19/08/2002	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K17 - TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG B	128	6,51	2,2	Trung bình	
4	DTE2053402010128	Nông Uyển Nhi	04/01/2002	Bắc Kạn	Nữ	Tày	K17 - TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG B	125	6,34	2,16	Trung bình	
5	DTE2153402010077	Nguyễn Ngọc Anh	16/05/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	125	8,45	3,51	Khá	Hạ hạng tốt nghiệp
6	DTE2153402010110	Đoàn Kiều Linh Chi	29/09/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	125	7,95	3,15	Khá	
7	DTE2153402010031	Chu Thị Hoài	05/04/2003	Thái Nguyên	Nữ	Sán Diu	K18 - TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	125	7,1	2,6	Khá	
8	DTE2153402010054	Nguyễn Công Hoan	04/08/2002	Bắc Kạn	Nam	Tày	K18 - TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	125	6,92	2,59	Khá	
9	DTE2153402010044	Hoàng Nguyễn Mạnh Hùng	10/10/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	K18 - TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	125	6,26	2,14	Trung bình	
10	DTE2153402010006	Phạm Quang Huy	04/12/2003	Thái Nguyên	Nam	Kinh	K18 - TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	125	7,12	2,66	Khá	
11	DTE2153402010032	Đoàn Bích Huyền	06/01/2003	Thái Nguyên	Nữ	Nùng	K18 - TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	125	7,53	2,82	Khá	
12	DTE2153402010078	Nguyễn Trung Kiên	14/10/2003	Thái Nguyên	Nam	Kinh	K18 - TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	125	7,11	2,67	Khá	

KHÓA 17, 18

STT	Mã số sinh viên	Họ và Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Số tín chỉ tích lũy	Điểm Trung bình chung tích lũy hệ 10	Điểm Trung bình chung tích lũy hệ 4	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
13	DTE2153402010101	Lưu Thị Kiều Linh	11/12/2003	Phú Thọ	Nữ	Kinh	K18 - TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	125	7,65	2,93	Khá	
14	DTE2153402010051	Trần Lê Phương Linh	29/12/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	125	6,51	2,22	Trung bình	
15	DTE2153402010136	Nguyễn Thị Thanh Ngân	06/07/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	125	8,63	3,66	Xuất sắc	
16	DTE2153402010114	Bùi Thị Thúy Ngân	14/05/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	125	7,24	2,68	Khá	
17	DTE2153402010186	Phạm Vũ Quý	03/11/2003	Thái Nguyên	Nam	Kinh	K18 - TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	125	8,27	3,52	Giỏi	
18	DTE2153402010001	Cao Huy Bảo Sơn	27/12/2003	Thái Nguyên	Nam	Kinh	K18 - TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	125	6,16	2,06	Trung bình	
19	DTE2153402010096	Bùi Mạnh Thắng	03/02/2003	Hà Nội	Nam	Kinh	K18 - TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	125	6,58	2,3	Trung bình	
20	DTE2153402010139	Lê Minh Trang	07/09/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	125	8,63	3,66	Xuất sắc	
21	DTE2153402010039	Ngô Huyền Trang	19/05/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	125	7,6	3,04	Khá	
22	DTE2153402010115	Nguyễn Thị Huyền Trang	06/06/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	125	8,66	3,65	Xuất sắc	
23	DTE2153402010074	Phạm Doãn Tùng	09/05/2003	Thái Nguyên	Nam	Tày	K18 - TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	125	7,5	2,94	Khá	
24	DTE2153402010084	Đoàn Thị Bằng Vi	01/08/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	125	7,2	2,72	Khá	

Ấn định danh sách 24 sinh viên. *Suy*

DANH SÁCH SINH VIÊN HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP
ĐỢT 2 - NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: 187/QĐ-ĐHKT&QTKD - ĐT ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế và QTKD)

Ngành: Logistics và quản lý chuỗi cung ứng

Chương trình đào tạo: Logistics và quản lý chuỗi cung ứng

KHÓA 18												
STT	Mã số sinh viên	Họ và Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Số tín chỉ tích lũy	Điểm Trung bình chung tích lũy hệ 10	Điểm Trung bình chung tích lũy hệ 4	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
1	DTE2155106050055	Đặng Thanh An	06/03/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	K18 - LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG	125	7,16	2,65	Khá	
2	DTE2155106050042	Đinh Thị Ngọc Ánh	10/03/2003	Hà Nam	Nữ	Kinh	K18 - LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG	125	7,46	2,9	Khá	
3	DTE2155106050048	Dương Thị Đào	22/09/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG	125	7,5	2,9	Khá	
4	DTE2155106050016	Nguyễn Thị Thu Hà	21/09/2003	Hà Nội	Nữ	Kinh	K18 - LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG	125	6,97	2,56	Khá	
5	DTE2155106050021	Nguyễn Thu Hà	27/10/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG	125	7,9	3,14	Khá	
6	DTE2155106050049	Vũ Thị Hồng	16/02/2003	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	K18 - LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG	125	8,27	3,41	Giỏi	
7	DTE2155106050013	Cáp Thị Khánh Huyền	17/06/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	K18 - LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG	125	8,19	3,34	Giỏi	
8	DTE2155106050027	Lường Thị Huyền	04/07/2003	Thái Nguyên	Nữ	Tày	K18 - LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG	125	7,45	2,88	Khá	
9	DTE2155106050004	Nguyễn Thu Huyền	14/02/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG	125	7,6	3,02	Khá	
10	DTE2155106050056	Bùi Quốc Hưng	31/07/2003	Lào Cai	Nam	Kinh	K18 - LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG	125	7,24	2,76	Khá	
11	DTE2155106050059	Nguyễn Thị Lan	03/03/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG	125	7,23	2,67	Khá	
12	DTE2155106050043	Dương Thị Linh	10/07/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG	125	6,71	2,44	Trung bình	
13	DTE2155106050018	Tạ Thị Cẩm Ly	28/10/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	K18 - LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG	125	8,43	3,51	Giỏi	
14	DTE2155106050005	Trần Thị Cẩm Ly	01/12/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG	125	7,31	2,78	Khá	

KHÓA 18

STT	Mã số sinh viên	Họ và Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Số tín chỉ tích lũy	Điểm Trung bình chung tích lũy hệ 10	Điểm Trung bình chung tích lũy hệ 4	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
15	DTE2155106050028	Bùi Hoài Nam	24/12/2003	Thái Nguyên	Nam	Cao Lan	K18 - LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG	125	7,8	3,16	Khá	
16	DTE2155106050029	Hoàng Thị Ngọc	10/11/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG	125	7,59	2,88	Khá	
17	DTE2155106050019	Lê Thị Hồng Nhung	13/03/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG	125	8,23	3,31	Giỏi	
18	DTE2155106050038	Trần Thị Hồng Nhung	01/10/2003	Thái Bình	Nữ	Kinh	K18 - LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG	125	8,14	3,31	Giỏi	
19	DTE2155106050009	Nguyễn Thị Phương	17/03/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG	125	8,1	3,26	Giỏi	
20	DTE2155106050044	Phạm Thị Quyên	03/06/2003	Hải Dương	Nữ	Kinh	K18 - LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG	125	7,22	2,71	Khá	
21	DTE2155106050020	Phạm Thị Lệ Quyên	14/01/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG	125	7,35	2,82	Khá	
22	DTE2155106050058	Hồ Thúy Tâm	14/05/2003	Thái Nguyên	Nữ	Sán Diu	K18 - LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG	125	7,94	3,24	Giỏi	
23	DTE2155106050040	Nguyễn Thị Thảo	12/12/2003	Thái Nguyên	Nữ	Tây	K18 - LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG	125	7,26	2,65	Khá	
24	DTE2155106050023	Hoàng Thị Diệp Thương	07/12/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	K18 - LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG	125	7,65	3	Khá	
25	DTE2155106050037	Trần Thị Thu Trang	12/11/2003	Nam Định	Nữ	Kinh	K18 - LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG	125	7,43	2,81	Khá	
26	DTE2155106050017	Nguyễn Quốc Trọng	03/09/2003	Thái Nguyên	Nam	Cao Lan	K18 - LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG	125	7,11	2,62	Khá	
27	DTE2155106050030	Ngô Trịnh Thanh Tú	22/12/2003	Vĩnh Phúc	Nữ	Kinh	K18 - LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG	125	8,06	3,19	Khá	
28	DTE2155106050007	Trịnh Cẩm Tú	28/10/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG	125	7,2	2,66	Khá	
29	DTE2155106050051	Nguyễn Thị Vân	08/09/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG	125	7,26	2,79	Khá	

Ấn định danh sách 29 sinh viên. *Ag*

**DANH SÁCH SINH VIÊN HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP
ĐỢT 2 - NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số: 787 /QĐ-ĐHKT&QTKD - ĐT ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế và QTKD)

Ngành: Kinh tế đầu tư

Chương trình đào tạo: Kinh tế đầu tư

KHÓA 16, 17, 18													
STT	Mã số sinh viên	Họ và	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Số tín chỉ tích lũy	Điểm Trung bình chung tích lũy hệ 10	Điểm Trung bình chung tích lũy hệ 4	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
1	DTE1953401010267	LI	GENG	01/07/1999	Trung Quốc	Nam	Người nước ngoài	K16-Kinh tế đầu tư	128	6,33	2,11	Trung bình	
2	DTE2053101040090	Trần Thanh	Hiền	30/05/2001	Thái Nguyên	Nữ	Tày	K17 - KINH TẾ ĐẦU TƯ	125	7,5	2,85	Khá	
3	DTE2053101010047	Bùi Phương	Thảo	28/01/2002	Bắc Giang	Nữ	Kinh	K17 - KINH TẾ ĐẦU TƯ	125	8,37	3,5	Giỏi	
4	DTE2053101040093	Nguyễn Mạnh	Tùng	12/02/2002	Bắc Kạn	Nam	Kinh	K17 - KINH TẾ ĐẦU TƯ	131	6,79	2,42	Trung bình	
5	DTE2153101040030	Nguyễn Hoàng	Anh	23/09/2003	Thái Nguyên	Nam	Kinh	K18 - KINH TẾ ĐẦU TƯ A	125	6,47	2,18	Trung bình	
6	DTE2153101040022	Phạm Phương	Anh	16/10/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KINH TẾ ĐẦU TƯ A	125	7,53	2,83	Khá	
7	DTE2153101040083	Maiteng	Chuelee	31/01/1998	LÀO	Nam	Người nước ngoài	K18 - KINH TẾ ĐẦU TƯ A	125	7,18	2,72	Khá	
8	DTE2153101040040	Đinh Bùi Tuấn	Cường	20/12/2003	Thái Nguyên	Nam	Kinh	K18 - KINH TẾ ĐẦU TƯ A	125	7,22	2,7	Khá	
9	DTE2153101040046	Phạm Thị	Duyên	06/11/2003	Thái Nguyên	Nữ	Tày	K18 - KINH TẾ ĐẦU TƯ A	125	7,74	2,99	Khá	
10	DTE2153101040058	Dương Văn	Đạt	24/03/2003	Bắc Ninh	Nam	Kinh	K18 - KINH TẾ ĐẦU TƯ A	125	7,39	2,82	Khá	
11	DTE2153101050028	Lê Thu	Hằng	14/12/2002	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KINH TẾ ĐẦU TƯ A	125	8,57	3,65	Xuất sắc	
12	DTE2153101040010	Phạm Anh	Hiếu	29/10/2002	Thái Nguyên	Nam	Kinh	K18 - KINH TẾ ĐẦU TƯ A	125	6,97	2,55	Khá	

KHÓA 16, 17, 18

STT	Mã số sinh viên	Họ và Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Số tín chỉ tích lũy	Điểm Trung bình chung tích lũy hệ 10	Điểm Trung bình chung tích lũy hệ 4	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
13	DTE2153101040072	Phương Minh Hoa	14/01/2003	Bắc Giang	Nữ	Nùng	K18 - KINH TẾ ĐẦU TƯ A	125	8,05	3,33	Giỏi	
14	DTE2153101040008	Phạm Quang Huy	18/10/2003	Thái Nguyên	Nam	Kinh	K18 - KINH TẾ ĐẦU TƯ A	125	7,16	2,73	Khá	
15	DTE2153101040051	Bùi Xuân Khánh	21/09/2003	Thái Nguyên	Nam	Kinh	K18 - KINH TẾ ĐẦU TƯ A	125	7,18	2,7	Khá	
16	DTE2153101040020	Trần Nam Khánh	02/09/2003	Tuyên Quang	Nam	Kinh	K18 - KINH TẾ ĐẦU TƯ A	125	6,19	2,01	Trung bình	
17	DTE2153101040013	Lê Thùy Linh	09/08/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KINH TẾ ĐẦU TƯ A	125	8,79	3,77	Xuất sắc	
18	DTE2153101040076	Đoàn Lưu Ly	09/12/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KINH TẾ ĐẦU TƯ A	125	8,75	3,63	Xuất sắc	
19	DTE2153101040075	Tạ Thanh Mai	16/02/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KINH TẾ ĐẦU TƯ A	125	8,2	3,42	Giỏi	
20	DTE2153101040065	Nguyễn Bích Ngọc	15/12/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KINH TẾ ĐẦU TƯ A	125	8,57	3,61	Xuất sắc	
21	DTE2153101040087	Ma Thị Nguyệt	09/07/2003	Bắc Kạn	Nữ	Tày	K18 - KINH TẾ ĐẦU TƯ A	125	8,6	3,65	Xuất sắc	
22	DTE2153101040042	Trần Gia Nhân	11/09/2003	Thái Nguyên	Nam	Kinh	K18 - KINH TẾ ĐẦU TƯ A	125	7,1	2,68	Khá	
23	DTE2153101050015	Nguyễn Thị Nhị	24/02/2003	Thái Nguyên	Nữ	Tày	K18 - KINH TẾ ĐẦU TƯ A	125	6,57	2,23	Trung bình	
24	DTE2153101040068	Dương Lệ Quyên	18/05/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KINH TẾ ĐẦU TƯ A	125	8,45	3,61	Xuất sắc	
25	DTE2153101040057	Nguyễn Thị Thanh Tâm	30/03/2003	Cao Bằng	Nữ	Tày	K18 - KINH TẾ ĐẦU TƯ A	125	8,67	3,66	Xuất sắc	
26	DTE2153101040034	Lý Thanh Thanh Thảo	02/11/2003	Thái Nguyên	Nữ	Tày	K18 - KINH TẾ ĐẦU TƯ A	125	7,28	2,76	Khá	
27	DTE2153101010004	Nguyễn Quỳnh Anh	14/06/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KINH TẾ ĐẦU TƯ B	125	7,09	2,62	Khá	
28	DTE2153101010008	Hầu Thị Bích Diệp	10/09/2003	Thái Nguyên	Nữ	Cao Lan	K18 - KINH TẾ ĐẦU TƯ B	125	8,08	3,27	Giỏi	
29	DTE2153101010033	Mẫn Thị Duyên	09/12/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KINH TẾ ĐẦU TƯ B	125	8,35	3,46	Giỏi	
30	DTE2153101010009	Nguyễn Thị Thu Hà	01/06/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KINH TẾ ĐẦU TƯ B	125	7,7	3,03	Khá	

KHÓA 16, 17, 18

STT	Mã số sinh viên	Họ và Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Số tín chỉ tích lũy	Điểm Trung bình chung tích lũy hệ 10	Điểm Trung bình chung tích lũy hệ 4	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
31	DTE2153101010038	Phùng Thu Hà	04/12/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KINH TẾ ĐẦU TƯ B	125	8,54	3,58	Giỏi	
32	DTE2153101010040	Dương Thị Hồng	08/10/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KINH TẾ ĐẦU TƯ B	125	8,75	3,78	Xuất sắc	
33	DTE2153101010041	Lưu Thị Thu Hường	01/11/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KINH TẾ ĐẦU TƯ B	125	8,35	3,42	Giỏi	
34	DTE2153101010034	Nguyễn Phương Lam	20/04/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KINH TẾ ĐẦU TƯ B	125	7,98	3,34	Giỏi	
35	DTE2153101010032	Nguyễn Thị Liên	30/11/2003	Hà Nội	Nữ	Kinh	K18 - KINH TẾ ĐẦU TƯ B	125	7,78	3,07	Khá	
36	DTE2153101010042	Dương Thùy Linh	01/08/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KINH TẾ ĐẦU TƯ B	125	8,91	3,79	Xuất sắc	
37	DTE2153101010012	Trần Thùy Linh	12/11/2003	Thái Nguyên	Nữ	Cao Lan	K18 - KINH TẾ ĐẦU TƯ B	125	8,11	3,34	Giỏi	
38	DTE2153101010029	Nguyễn Thị Kim Loan	19/01/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KINH TẾ ĐẦU TƯ B	125	8,33	3,42	Giỏi	
39	DTE2153101010062	Tô Thị Loan	03/12/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KINH TẾ ĐẦU TƯ B	125	8,02	3,3	Giỏi	
40	DTE2153101010026	Trần Thị Thu Phương	18/07/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KINH TẾ ĐẦU TƯ B	125	7,84	3,13	Khá	
41	DTE2153101010030	Chu Thị Phương	01/06/2003	Bắc Kạn	Nữ	Tày	K18 - KINH TẾ ĐẦU TƯ B	125	8	3,28	Giỏi	
42	DTE2153101040080	Trần Diễm Quỳnh	02/07/1997	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KINH TẾ ĐẦU TƯ B	125	6,98	2,5	Khá	
43	DTE2153101010036	Trần Hồng Sơn	31/12/2003	Thái Nguyên	Nam	Kinh	K18 - KINH TẾ ĐẦU TƯ B	125	8,03	3,25	Giỏi	
44	DTE2153101040069	Mê Văn Thành	25/01/2002	Bắc Giang	Nam	Kinh	K18 - KINH TẾ ĐẦU TƯ B	125	8,74	3,7	Xuất sắc	
45	DTE2153101010021	Nguyễn Thị Thảo	30/03/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KINH TẾ ĐẦU TƯ B	125	7,19	2,66	Khá	
46	DTE2153101010023	Phạm Khánh Thảo	26/10/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KINH TẾ ĐẦU TƯ B	125	7,34	2,79	Khá	
47	DTE2153101040064	Trần Phương Thảo	25/09/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KINH TẾ ĐẦU TƯ B	125	8,37	3,42	Giỏi	
48	DTE2153101010052	Trần Thị Thùy	17/02/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	K18 - KINH TẾ ĐẦU TƯ B	125	7,79	3,09	Khá	

KHÓA 16, 17, 18

STT	Mã số sinh viên	Họ và Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Số tín chỉ tích lũy	Điểm Trung bình chung tích lũy hệ 10	Điểm Trung bình chung tích lũy hệ 4	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
49	DTE2153101010061	Ngô Thị Thu Thủy	14/04/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KINH TẾ ĐẦU TƯ B	125	7,65	2,99	Khá	
50	DTE2153101010050	Lưu Phương Thúy	13/06/2003	Yên Bái	Nữ	Kinh	K18 - KINH TẾ ĐẦU TƯ B	125	7,21	2,67	Khá	
51	DTE2153101010056	Vũ Hồng Trà	15/10/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KINH TẾ ĐẦU TƯ B	125	7,61	2,98	Khá	
52	DTE2153101010011	Dương Thị Tuyên	15/11/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KINH TẾ ĐẦU TƯ B	125	8,11	3,34	Giỏi	

Ấn định danh sách 52 sinh viên. *Res*

**DANH SÁCH SINH VIÊN HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP
ĐỢT 2 - NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số: 777 /QĐ-ĐHKT&QTKD - ĐT ngày 07 tháng 7 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế và QTKD)

Ngành: Kinh tế phát triển

Chương trình đào tạo: Kinh tế phát triển

KHÓA 17, 18												
STT	Mã số sinh viên	Họ và Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Số tín chỉ tích lũy	Điểm Trung bình chung tích lũy hệ 10	Điểm Trung bình chung tích lũy hệ 4	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
1	DTE2053101050001	Tạ Thị Vân Anh	16/01/2002	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K17 - KINH TẾ PHÁT TRIỂN	125	6,78	2,35	Trung bình	
2	DTE2153101050031	Nguyễn Thị Khánh Duyên	28/02/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KINH TẾ PHÁT TRIỂN	125	8,24	3,4	Giỏi	
3	DTE2153101050024	Vũ Thùy Duyên	04/01/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KINH TẾ PHÁT TRIỂN	125	8,42	3,53	Giỏi	
4	DTE2153101050003	Đinh Trần Thùy Dương	10/12/2003	Thái Nguyên	Nữ	Sán Chí	K18 - KINH TẾ PHÁT TRIỂN	125	7,56	2,86	Khá	
5	DTE2153101050009	Dương Thị Thu Hường	27/11/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KINH TẾ PHÁT TRIỂN	125	7,14	2,67	Khá	
6	DTE2153101050026	Dương Thị Thu Lê	31/01/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KINH TẾ PHÁT TRIỂN	125	8,13	3,42	Giỏi	
7	DTE2153101050010	Nông Thị Linh	12/12/2003	Bắc Kạn	Nữ	Tày	K18 - KINH TẾ PHÁT TRIỂN	125	7,47	2,87	Khá	
8	DTE2153101050041	Vi Khánh Linh	20/05/2003	Thái Nguyên	Nữ	Nùng	K18 - KINH TẾ PHÁT TRIỂN	125	7,17	2,66	Khá	
9	DTE2153101050013	Nguyễn Hồng Ngọc	24/02/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KINH TẾ PHÁT TRIỂN	125	6,93	2,49	Trung bình	
10	DTE2153101050029	Trần Minh Quân	08/07/2003	Thái Nguyên	Nam	Kinh	K18 - KINH TẾ PHÁT TRIỂN	125	8,42	3,51	Giỏi	
11	DTE2153101050027	Lê Thị Thanh Thảo	07/12/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KINH TẾ PHÁT TRIỂN	125	8,06	3,3	Giỏi	

KHÓA 17, 18												
STT	Mã số sinh viên	Họ và Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Số tín chỉ tích lũy	Điểm Trung bình chung tích lũy hệ 10	Điểm Trung bình chung tích lũy hệ 4	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
12	DTE2153101050014	Nguyễn Thị Thương	10/01/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KINH TẾ PHÁT TRIỂN	125	7,11	2,66	Khá	
13	DTE2153101050020	Hoàng Thị Trang	09/08/2003	Thái Nguyên	Nữ	Nùng	K18 - KINH TẾ PHÁT TRIỂN	125	8,43	3,54	Giỏi	

Ấn định danh sách 13 sinh viên. *Phu*

**DANH SÁCH SINH VIÊN HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP
ĐỢT 2 - NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số: 787 /QĐ-ĐHKT&QTKD - ĐT ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế và QTKD)

Ngành: Luật kinh tế

Chương trình đào tạo: Luật kinh doanh

KHÓA 14													
STT	Mã số sinh viên	Họ và	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Số tín chỉ tích lũy	Điểm Trung bình chung tích lũy hệ 10	Điểm Trung bình chung tích lũy hệ 4	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
1	DTE1753403010093	Lương Hoàng	Hải	13/09/1993	Thái Nguyên	Nam	Kinh	K14 - Luật Kinh doanh B	127	6,84	2,47	Trung bình	

Ấn định danh sách 01 sinh viên. Auy

DANH SÁCH SINH VIÊN HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP
ĐỢT 2 - NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: *787* /QĐ-ĐHKT&QTKD - ĐT ngày *01* tháng *7* năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế và QTKD)

Ngành: Luật kinh tế

Chương trình đào tạo: Luật kinh tế

KHÓA 17, 18												
STT	Mã số sinh viên	Họ và Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Số tín chỉ tích lũy	Điểm Trung bình chung tích lũy hệ 10	Điểm Trung bình chung tích lũy hệ 4	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
1	DTE2053801070115	Nguyễn Lý Nguyên Phương	23/03/2002	Thái Nguyên	Nam	Tày	K17 - LUẬT KINH TẾ	125	6,64	2,29	Trung bình	
2	DTE2153801070025	Nguyễn Thị Lan Anh	08/08/2002	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - LUẬT KINH TẾ	125	7,93	3,14	Khá	
3	DTE2153801070099	Trần Ngọc Anh	05/11/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - LUẬT KINH TẾ	125	7,89	3,14	Khá	
4	DTE2153801070053	Phạm Thị Chi	08/09/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - LUẬT KINH TẾ	125	7,57	2,98	Khá	
5	DTE2153801070069	Cao Thị Hương Giang	30/10/2003	Sơn La	Nữ	s	K18 - LUẬT KINH TẾ	125	7,32	2,76	Khá	
6	DTE2153801070013	Hoàng Thu Hà	05/10/2003	Yên Bái	Nữ	Kinh	K18 - LUẬT KINH TẾ	125	7,94	3,22	Giỏi	
7	DTE2153801070070	Hà Trần Minh Hải	01/11/2003	Bắc Kạn	Nữ	Tày	K18 - LUẬT KINH TẾ	125	9,24	3,9	Xuất sắc	
8	DTE2153801070076	Ngô Mỹ Hạnh	21/05/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - LUẬT KINH TẾ	125	7,67	3,02	Khá	
9	DTE2153801070071	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	15/07/2003	Yên Bái	Nữ	Kinh	K18 - LUẬT KINH TẾ	125	8	3,27	Giỏi	
10	DTE2153801070057	Dương Thu Hiền	26/08/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - LUẬT KINH TẾ	125	7,2	2,74	Khá	
11	DTE2153801070055	Nguyễn Thúy Hiền	03/12/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - LUẬT KINH TẾ	125	7,83	3,1	Khá	
12	DTE2153801070085	Dương Trung Hiếu	10/06/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	K18 - LUẬT KINH TẾ	125	8,31	3,39	Giỏi	
13	DTE2153801070045	Nguyễn Thị Thùy Linh	07/07/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - LUẬT KINH TẾ	125	7,54	2,91	Khá	
14	DTE2153801070001	Trần Mai Linh	21/10/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - LUẬT KINH TẾ	125	7,16	2,64	Khá	
15	DTE2153801070078	Nguyễn Thị Mỹ	16/11/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - LUẬT KINH TẾ	125	7,65	2,94	Khá	

KHÓA 17, 18

STT	Mã số sinh viên	Họ và Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Số tín chỉ tích lũy	Điểm Trung bình chung tích lũy hệ 10	Điểm Trung bình chung tích lũy hệ 4	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
16	DTE2153801070092	Nguyễn Kiều Nga	03/08/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - LUẬT KINH TẾ	125	7,27	2,73	Khá	
17	DTE2153801070024	Nguyễn Tuyết Nhung	23/12/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - LUẬT KINH TẾ	125	7,1	2,58	Khá	
18	DTE2153801070061	Dương Đình Phú	26/11/2003	Thái Nguyên	Nam	Kinh	K18 - LUẬT KINH TẾ	125	9,23	3,88	Xuất sắc	
19	DTE2153801070007	Nguyễn Thị Quý	27/04/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - LUẬT KINH TẾ	125	7,76	3,12	Khá	
20	DTE2153801070014	Trần Trọng Quyết	13/09/2003	Thái Nguyên	Nam	Kinh	K18 - LUẬT KINH TẾ	125	7,3	2,79	Khá	
21	DTE2153801070063	Bùi Như Quỳnh	19/05/2003	Thái Nguyên	Nam	Kinh	K18 - LUẬT KINH TẾ	125	7,24	2,72	Khá	
22	DTE2153801070052	Phan Văn Quỳnh	09/11/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - LUẬT KINH TẾ	125	8,17	3,31	Giỏi	
23	DTE2153801070033	Hoàng Minh Tâm	23/08/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - LUẬT KINH TẾ	125	8,27	3,46	Giỏi	
24	DTE2153801070074	Lã Thị Thư	09/08/2003	Bắc Kạn	Nữ	Tây	K18 - LUẬT KINH TẾ	125	9,04	3,82	Xuất sắc	
25	DTE2153801070022	Nguyễn Thanh Trà	26/09/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - LUẬT KINH TẾ	125	8,19	3,42	Giỏi	
26	DTE2153801070095	Đoàn Ngân Trang	08/10/2003	Phú Thọ	Nữ	Kinh	K18 - LUẬT KINH TẾ	125	7,86	3,21	Giỏi	
27	DTE2153801070081	Đỗ Xuân Tùng	28/10/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	K18 - LUẬT KINH TẾ	125	8,43	3,51	Giỏi	
28	DTE2153801070080	Nguyễn Thị Tố Uyên	11/08/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - LUẬT KINH TẾ	125	7,34	2,77	Khá	
29	DTE2153801070037	Nguyễn Thị Kiều Vân	01/09/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - LUẬT KINH TẾ	125	7,25	2,71	Khá	
30	DTE2153801070068	Đào Hải Yến	19/06/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - LUẬT KINH TẾ	125	8,15	3,29	Giỏi	
31	DTE2153801070049	Dương Phương Thảo	01/09/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - LUẬT KINH TẾ	125	8,19	3,38	Giỏi	

Ấn định danh sách 31 sinh viên. 

DANH SÁCH SINH VIÊN HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP
ĐỢT 2 - NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: *787* /QĐ-ĐHKT&QTKD - ĐT ngày *01* tháng *7* năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế và QTKD)

Ngành: Marketing

Chương trình đào tạo: Quản trị Marketing

KHÓA 16, 18													
STT	Mã số sinh viên	Họ và	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Số tín chỉ tích lũy	Điểm Trung bình chung tích lũy hệ 10	Điểm Trung bình chung tích lũy hệ 4	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
1	DTE1953401150002	Hoàng Đình	Hiếu	25/09/2001	Thái Nguyên	Nam	Kinh	K16 - Quản trị Marketing	127	6,25	2,01	Trung bình	
2	DTE2153401150006	Bùi Văn	Anh	20/09/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ MARKETING A	125	8,61	3,59	Giỏi	
3	DTE2153401150184	Lê Thị Kim	Anh	29/01/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ MARKETING A	125	7,72	3,03	Khá	
4	DTE2153401150023	Đình Khánh	Chi	17/11/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ MARKETING A	125	7,52	2,89	Khá	
5	DTE2153401150057	Nguyễn Thị Ngọc	Diệp	17/10/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ MARKETING A	125	7,86	3,17	Khá	
6	DTE2153401150009	Bùi Ngọc	Hà	03/05/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ MARKETING A	125	8,14	3,34	Giỏi	
7	DTE2153401150039	Dương Thị Thanh	Hoa	04/10/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ MARKETING A	125	7,53	2,94	Khá	
8	DTE2153401150069	Nguyễn Thị	Huyền	25/04/2003	Cao Bằng	Nữ	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ MARKETING A	125	8,08	3,26	Giỏi	
9	DTE2153401150013	Phạm Thị	Huyền	27/08/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ MARKETING A	125	7,27	2,78	Khá	
10	DTE2153401150166	Nguyễn Thị	Hương	07/09/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ MARKETING A	125	7,35	2,81	Khá	
11	DTE2153401150033	Nguyễn Thị Thu	Hương	22/11/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ MARKETING A	125	7,27	2,76	Khá	
12	DTE2153401150067	Đông Thị Kim	Khánh	13/05/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ MARKETING A	125	6,46	2,21	Trung bình	
13	DTE2153401150146	Nguyễn Thị	Lanh	13/07/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ MARKETING A	125	7,78	3,11	Khá	
14	DTE2153401150054	Phạm Khánh	Linh	01/09/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ MARKETING A	125	7	2,5	Khá	

KHÓA 16, 18

STT	Mã số sinh viên	Họ và Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Số tín chỉ tích lũy	Điểm Trung bình chung tích lũy hệ 10	Điểm Trung bình chung tích lũy hệ 4	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
15	DTE2153401150026	Triệu Yến Linh	16/08/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ MARKETING A	125	7,14	2,68	Khá	
16	DTE2153401150014	Đào Văn Ly	16/09/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ MARKETING A	125	7,34	2,77	Khá	
17	DTE2153401150171	Nguyễn Bảo Ngọc	19/12/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ MARKETING A	125	8,14	3,27	Giỏi	
18	DTE2153401150064	Nguyễn Ngọc Bích Phương	17/09/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ MARKETING A	125	6,57	2,27	Trung bình	
19	DTE2153401150002	Vũ Đỗ Huyền Phương	18/05/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ MARKETING A	125	8,04	3,23	Giỏi	
20	DTE2153401150043	Hồ Phương Thảo	27/04/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ MARKETING A	125	6,91	2,46	Trung bình	
21	DTE2153401150195	Trần Thị Thùy	15/05/2002	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ MARKETING A	125	8,09	3,37	Giỏi	
22	DTE2153401150049	Dương Thị Phương Uyên	07/11/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ MARKETING A	125	7,18	2,7	Khá	
23	DTE2153401150168	Nguyễn Thị Tú Uyên	25/04/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ MARKETING A	125	8,38	3,48	Giỏi	
24	DTE2153401150022	Lý Thị Yến	24/07/2003	Thái Nguyên	Nữ	Tây	K18 - QUẢN TRỊ MARKETING A	125	7,45	2,85	Khá	
25	DTE2153401150131	Hoàng Thị Ngọc Anh	24/08/2003	Bắc Kạn	Nữ	Tây	K18 - QUẢN TRỊ MARKETING B	125	7,12	2,67	Khá	
26	DTE2153401150161	Mai Kim Anh	02/08/2003	Tuyên Quang	Nữ	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ MARKETING B	125	7,85	3,16	Khá	
27	DTE2153401150117	Nguyễn Hoài Anh	17/02/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ MARKETING B	125	7,49	2,9	Khá	
28	DTE2153401150118	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	28/11/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ MARKETING B	125	8,27	3,42	Giỏi	
29	DTE2153401150187	Nguyễn Thị Thanh Bình	30/12/2003	Phú Thọ	Nữ	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ MARKETING B	125	7,38	2,83	Khá	
30	DTE2153401150153	Đinh Đăng Dương	17/12/2003	Thái Nguyên	Nam	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ MARKETING B	125	7,13	2,66	Khá	
31	DTE2153401150129	Nguyễn Quốc Đạt	24/10/2003	Thái Nguyên	Nam	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ MARKETING B	125	7,42	2,89	Khá	
32	DTE2153401150150	Nguyễn Trung Đức	08/04/2003	Yên Bái	Nam	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ MARKETING B	125	7,63	2,97	Khá	
33	DTE2153401150052	Tạ Thị Hoa	24/04/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ MARKETING B	125	7,4	2,86	Khá	
34	DTE2153401150142	Lê Thị Huệ	18/12/2003	Tuyên Quang	Nữ	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ MARKETING B	125	7,99	3,19	Khá	
35	DTE2153401150122	Nguyễn Quý Huy	21/01/2003	Hà Nội	Nam	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ MARKETING B	125	7	2,57	Khá	

KHÓA 16, 18

STT	Mã số sinh viên	Họ và Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Số tín chỉ tích lũy	Điểm Trung bình chung tích lũy hệ 10	Điểm Trung bình chung tích lũy hệ 4	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
36	DTE2153401150112	Nguyễn Khánh Huyền	06/04/2003	Yên Bái	Nữ	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ MARKETING B	125	7,26	2,79	Khá	
37	DTE2153401150160	Nguyễn Thị Hương	01/01/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ MARKETING B	125	7,84	3,22	Giỏi	
38	DTE2153401150124	Lê Duy Khánh	21/06/2003	Thái Nguyên	Nam	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ MARKETING B	125	6,6	2,22	Trung bình	
39	DTE2153401150099	Triệu Khánh Liễu	07/04/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ MARKETING B	125	7,21	2,72	Khá	
40	DTE2153401150148	Đình Mai Linh	20/01/2003	Hà Nội	Nữ	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ MARKETING B	125	7,76	2,97	Khá	
41	DTE2153401150137	Nguyễn Khánh Linh	19/03/2003	Thái Nguyên	Nữ	Tày	K18 - QUẢN TRỊ MARKETING B	125	6,92	2,56	Khá	
42	DTE2153401150106	Dương Thị Tuyết Mai	26/05/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ MARKETING B	125	7,77	3,11	Khá	
43	DTE2153401150085	Đào Thị Mai	01/03/2001	Thái Nguyên	Nữ	Sán Chí	K18 - QUẢN TRỊ MARKETING B	125	7,2	2,66	Khá	
44	DTE2153401150083	Đồng Thị Mai	14/11/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ MARKETING B	125	8,29	3,46	Giỏi	
45	DTE2153401150180	Nguyễn Thị Trà My	15/06/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ MARKETING B	125	7,16	2,68	Khá	
46	DTE2153401150126	Vũ Thị Kim Ngân	05/10/2003	Nam Định	Nữ	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ MARKETING B	125	7,7	2,98	Khá	
47	DTE2153401150103	Nguyễn Thị Nguyệt	09/01/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ MARKETING B	125	7,44	2,94	Khá	
48	DTE2153401150157	Nguyễn Thị Phụng	28/01/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ MARKETING B	125	8,14	3,3	Giỏi	
49	DTE2153401150114	Dương Thị Diễm Quỳnh	02/12/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ MARKETING B	125	7,76	3,09	Khá	
50	DTE2153401150096	Nguyễn Thị Thúy Quỳnh	01/07/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ MARKETING B	125	7,75	3,06	Khá	
51	DTE2153401150158	Ngô Mai Tâm	30/03/2003	Lạng Sơn	Nữ	Tày	K18 - QUẢN TRỊ MARKETING B	125	7,68	3,03	Khá	
52	DTE2153401150194	Trần Huệ Tâm	18/11/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ MARKETING B	125	7,42	2,89	Khá	
53	DTE2153401150097	Trần Thị Kim Thoa	30/12/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ MARKETING B	125	7,49	2,92	Khá	
54	DTE2153401150188	Đỗ Thị Thơ	27/05/2003	Hà Nội	Nữ	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ MARKETING B	125	7,33	2,86	Khá	
55	DTE2153401150115	Nguyễn Thị Thùy	29/05/2003	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ MARKETING B	125	7,28	2,76	Khá	
56	DTE2153401150098	Chu Thị Thanh Tình	04/11/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ MARKETING B	125	7,59	2,99	Khá	

KHÓA 16, 18

STT	Mã số sinh viên	Họ và Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Số tín chỉ tích lũy	Điểm Trung bình chung tích lũy hệ 10	Điểm Trung bình chung tích lũy hệ 4	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
57	DTE2153401150079	Dương Thị Thùy Trang	07/09/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ MARKETING B	125	7,57	2,95	Khá	
58	DTE2153401150109	Ngô Thị Trang	19/04/2002	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ MARKETING B	125	7,62	2,94	Khá	
59	DTE2153401150134	Nguyễn Huyền Trang	03/04/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ MARKETING B	125	7,92	3,26	Giỏi	
60	DTE2153401150128	Nguyễn Quỳnh Trang	20/02/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ MARKETING B	125	8,06	3,33	Giỏi	
61	DTE2153401150100	Phạm Hải Yến	06/07/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ MARKETING B	125	7,44	2,87	Khá	

Ấn định danh sách 61 sinh viên. *Phan*

**DANH SÁCH SINH VIÊN HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP
ĐỢT 2 - NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số: 787 /QĐ-ĐHKT&QTKD - ĐT ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế và QTKD)

Ngành: Quản lý công

Chương trình đào tạo: Quản lý kinh tế

Chương trình đào tạo: Quản lý Kinh tế

KHÓA 18												
STT	Mã số sinh viên	Họ và Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Số tín chỉ tích lũy	Điểm Trung bình chung tích lũy hệ 10	Điểm Trung bình chung tích lũy hệ 4	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
1	DTE2153404030097	Trịnh Quỳnh Chi	09/11/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - QUẢN LÝ KINH TẾ A	125	7,85	3,11	Khá	
2	DTE2153404030026	Nông Thị Mỹ Duyên	08/06/2003	Thái Nguyên	Nữ	Nùng	K18 - QUẢN LÝ KINH TẾ A	125	7,33	2,77	Khá	
3	DTE2153404030067	Bùi Hoàng Dương	11/10/2003	Thái Nguyên	Nam	Tày	K18 - QUẢN LÝ KINH TẾ A	125	8,14	3,35	Giỏi	
4	DTE2153404030054	Dương Thị Hoài	04/05/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - QUẢN LÝ KINH TẾ A	125	7,37	2,85	Khá	
5	DTE2153404030069	Nguyễn Thị Hoài	18/11/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - QUẢN LÝ KINH TẾ A	125	6,6	2,26	Trung bình	
6	DTE2153404030055	Trần Thị Hoàn	14/11/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - QUẢN LÝ KINH TẾ A	125	7,73	3,06	Khá	
7	DTE2153404030006	Nguyễn Thị Huệ	26/07/2003	Thái Nguyên	Nữ	Sán Chí	K18 - QUẢN LÝ KINH TẾ A	125	6,87	2,6	Khá	
8	DTE2153404030036	Phạm Thu Huyền	26/10/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - QUẢN LÝ KINH TẾ A	125	7,71	3,01	Khá	
9	DTE2153404030031	Đỗ Thị Linh	16/08/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - QUẢN LÝ KINH TẾ A	125	8,89	3,84	Xuất sắc	
10	DTE2153404030051	Lê Mỹ Linh	04/03/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - QUẢN LÝ KINH TẾ A	125	7,4	2,82	Khá	
11	DTE2153404030003	Từ Thị Mai	27/09/2002	Thái Nguyên	Nữ	Sán Diu	K18 - QUẢN LÝ KINH TẾ A	125	7,9	3,2	Khá	Hạ hạng tốt nghiệp
12	DTE2153404030070	Ngô Thị Bích Ngọc	19/03/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - QUẢN LÝ KINH TẾ A	125	7,87	3,1	Khá	
13	DTE2153404030056	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	16/12/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - QUẢN LÝ KINH TẾ A	125	7,61	3,01	Khá	

KHÓA 18

STT	Mã số sinh viên	Họ và Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Số tín chỉ tích lũy	Điểm Trung bình chung tích lũy hệ 10	Điểm Trung bình chung tích lũy hệ 4	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
14	DTE2153404030016	Phạm Hoàng Bảo Ngọc	19/12/2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	K18 - QUẢN LÝ KINH TẾ A	125	8,7	3,66	Xuất sắc	
15	DTE2153404030045	Tạ Thị Quyên	05/08/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - QUẢN LÝ KINH TẾ A	125	7,07	2,65	Khá	
16	DTE2153404030011	Trương Quang Sáng	08/05/2003	Thái Nguyên	Nam	Sán Diu	K18 - QUẢN LÝ KINH TẾ A	125	7,04	2,58	Khá	
17	DTE2153404030052	Trương Thị Phương Thảo	22/06/2003	Hà Nam	Nữ	Kinh	K18 - QUẢN LÝ KINH TẾ A	128	7,41	2,77	Khá	
18	DTE2153404030041	Nguyễn Văn Toàn	29/07/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	K18 - QUẢN LÝ KINH TẾ A	125	7,91	3,18	Khá	
19	DTE2153404030020	Dương Thùy Trang	03/11/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - QUẢN LÝ KINH TẾ A	125	8,17	3,34	Giỏi	
20	DTE2153404030038	Hoàng Thị Trang	11/10/1998	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - QUẢN LÝ KINH TẾ A	125	8,49	3,65	Xuất sắc	
21	DTE2153404030058	Nguyễn Huyền Trang	03/09/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - QUẢN LÝ KINH TẾ A	125	8,06	3,31	Giỏi	
22	DTE2153404030018	Nguyễn Anh Tú	28/01/2003	Thái Nguyên	Nam	Kinh	K18 - QUẢN LÝ KINH TẾ A	125	7,24	2,81	Khá	
23	DTE2153404030059	Nguyễn Thị Uyên	13/02/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - QUẢN LÝ KINH TẾ A	125	6,97	2,5	Khá	
24	DTE2153404030053	Hoàng Thị Ngọc Anh	03/02/2003	Thái Nguyên	Nữ	Nùng	K18 - QUẢN LÝ KINH TẾ B	125	7,72	3	Khá	
25	DTE2153404030079	Trần Quỳnh Chi	08/11/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - QUẢN LÝ KINH TẾ B	125	7,42	2,87	Khá	
26	DTE2153404030085	Lý Thị Ngọc Diệp	24/04/2003	Thái Nguyên	Nữ	Nùng	K18 - QUẢN LÝ KINH TẾ B	125	7,97	3,22	Giỏi	
27	DTE2153404030088	Hoàng Ngọc Huyền	20/09/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - QUẢN LÝ KINH TẾ B	125	7,94	3,15	Khá	
28	DTE2153404030076	Lăng Thị Mỹ Linh	05/12/2003	Thái Nguyên	Nữ	Nùng	K18 - QUẢN LÝ KINH TẾ B	125	7,28	2,7	Khá	
29	DTE2153404030073	Đinh Thị Loan	08/02/2003	Thái Nguyên	Nữ	Mường	K18 - QUẢN LÝ KINH TẾ B	125	7,5	2,86	Khá	
30	DTE2153404030102	Phạm Minh Phương	25/10/2002	Thái Nguyên	Nữ	Tày	K18 - QUẢN LÝ KINH TẾ B	125	7,15	2,75	Khá	
31	DTE2153404030075	Nguyễn Thị Quế	17/02/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - QUẢN LÝ KINH TẾ B	125	6,92	2,5	Khá	
32	DTE2153404030094	Dương Văn Quý	02/11/2003	Bình Dương	Nam	Kinh	K18 - QUẢN LÝ KINH TẾ B	125	7,98	3,17	Khá	
33	DTE2153404030099	Bùi Thị Trà	28/03/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - QUẢN LÝ KINH TẾ B	125	7,32	2,85	Khá	

KHÓA 18

STT	Mã số sinh viên	Họ và Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Số tín chỉ tích lũy	Điểm Trung bình chung tích lũy hệ 10	Điểm Trung bình chung tích lũy hệ 4	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
34	DTE2153404030065	Nguyễn Thị Thảo Trang	21/01/2003	Thái Nguyên	Nữ	Tây	K18 - QUẢN LÝ KINH TẾ B	125	7,14	2,7	Khá	
35	DTE2153404030100	Nguyễn Thị Thu Trang	03/09/2003	Thái Nguyên	Nữ	Dao	K18 - QUẢN LÝ KINH TẾ B	125	7,31	2,78	Khá	

Ấn định danh sách 35 sinh viên. 

DANH SÁCH SINH VIÊN HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP
ĐỢT 2 - NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: *787*/QĐ-ĐHKT&QTKD - ĐT ngày *01* tháng *7* năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế và QTKD)

Ngành: Kinh doanh quốc tế

Chương trình đào tạo: Kinh doanh quốc tế

KHÓA 17, 18												
STT	Mã số sinh viên	Họ và Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Số tín chỉ tích lũy	Điểm Trung bình chung tích lũy hệ 10	Điểm Trung bình chung tích lũy hệ 4	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
1	DTE2053401200003	Đặng Phương Nga	18/12/2002	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K17 - KINH DOANH QUỐC TẾ	125	7,75	3,06	Khá	
2	DTE2153401200017	Hoàng Thị Ngọc Chi	13/12/2003	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	K18 - KINH DOANH QUỐC TẾ	125	8,01	3,29	Giỏi	
3	DTE2153401200012	Bùi Thị Kim Cúc	04/05/2003	Phú Thọ	Nữ	Kinh	K18 - KINH DOANH QUỐC TẾ	125	8,13	3,38	Giỏi	
4	DTE2153401200035	Trần Thanh Hà	01/08/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KINH DOANH QUỐC TẾ	125	7,99	3,21	Giỏi	
5	DTE2153401200025	Nguyễn Thị Thu Hoàn	29/10/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KINH DOANH QUỐC TẾ	125	8,39	3,53	Giỏi	
6	DTE2153401200031	Triệu Thúy Hường	18/06/2003	Yên Bái	Nữ	Tày	K18 - KINH DOANH QUỐC TẾ	125	6,43	2,17	Trung bình	
7	DTE2153401200026	Tạ Thị Lan	11/10/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KINH DOANH QUỐC TẾ	125	8,02	3,24	Giỏi	
8	DTE2153401200024	Nguyễn Thảo Tâm Minh	20/07/2002	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KINH DOANH QUỐC TẾ	125	7,39	2,82	Khá	
9	DTE2153401200004	Trần Thị Huyền My	16/12/2002	Bắc Giang	Nữ	Nùng	K18 - KINH DOANH QUỐC TẾ	125	8,43	3,51	Giỏi	
10	DTE2153401200002	Lục Thanh Ngà	02/11/2002	Thái Nguyên	Nữ	Sán Dìu	K18 - KINH DOANH QUỐC TẾ	125	8,07	3,26	Giỏi	
11	DTE2153401200019	Nguyễn Thị Phương	03/06/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KINH DOANH QUỐC TẾ	125	9,04	3,89	Xuất sắc	
12	DTE2153401200020	Nguyễn Thị Bích Phượng	23/09/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KINH DOANH QUỐC TẾ	125	9,04	3,85	Xuất sắc	

KHÓA 17, 18

STT	Mã số sinh viên	Họ và Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Số tín chỉ tích lũy	Điểm Trung bình chung tích lũy hệ 10	Điểm Trung bình chung tích lũy hệ 4	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
13	DTE2153401200027	Ma Thị Hoài Thương	18/01/2003	Thái Nguyên	Nữ	Tày	K18 - KINH DOANH QUỐC TẾ	125	8,13	3,38	Giỏi	
14	DTE2153401200015	Trần Minh Uyên	12/10/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KINH DOANH QUỐC TẾ	125	7,65	3	Khá	

Ấn định danh sách 14 sinh viên. *Phạm*

DANH SÁCH SINH VIÊN HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP
ĐỢT 2 - NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: 77/QĐ-ĐHKT&QTKD - ĐT ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế và QTKD)

Ngành: Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành

Chương trình đào tạo: Quản trị du lịch và khách sạn chất lượng cao

KHÓA 17												
STT	Mã số sinh viên	Họ và Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Số tín chỉ tích lũy	Điểm Trung bình chung tích lũy hệ 10	Điểm Trung bình chung tích lũy hệ 4	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
1	DTE2058101030197	Đặng Thị Loan	15/09/2002	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K17 - Quản trị Du lịch và Khách sạn Chất lượng cao	125	8,72	3,66	Xuất sắc	
2	DTE2058101030027	Trần Thị Thu Phương	30/11/2002	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K17 - Quản trị Du lịch và Khách sạn Chất lượng cao	125	7,45	2,8	Khá	
3	DTE2058101030212	Nguyễn Thị Tường	26/05/2002	Bắc Kạn	Nữ	Tày	K17 - Quản trị Du lịch và Khách sạn Chất lượng cao	125	8,22	3,34	Giỏi	
4	DTE2058101030204	Hoàng Thị Minh Yến	30/08/2002	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K17 - Quản trị Du lịch và Khách sạn Chất lượng cao	125	8,29	3,36	Giỏi	

Ấn định danh sách 04 sinh viên

DANH SÁCH SINH VIÊN HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP
ĐỢT 2 - NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: 777/QĐ-ĐHKT&QTKD - ĐT ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế và QTKD)

Ngành: Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành

Chương trình đào tạo: Quản trị kinh doanh khách sạn và du lịch

KHÓA 16, 17, 18												
STT	Mã số sinh viên	Họ và Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Số tín chỉ tích lũy	Điểm Trung bình chung tích lũy hệ 10	Điểm Trung bình chung tích lũy hệ 4	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
1	DTE1958101030018	Đỗ Thị Bích Lộc	08/08/2001	Tuyên Quang	Nữ	Kinh	K16 - Quản trị Kinh doanh Khách sạn và Du lịch	127	7,05	2,6	Khá	
2	DTE2058101030004	Nguyễn Hồng An	20/08/2002	Thái Nguyên	Nam	Kinh	K17 - QUẢN TRỊ KINH DOANH KHÁCH SẠN VÀ DU LỊCH	125	7,25	2,69	Khá	
3	DTE2058101030130	Phạm Thị Thúy Nhân	03/04/2002	Phú Thọ	Nữ	Kinh	K17 - QUẢN TRỊ KINH DOANH KHÁCH SẠN VÀ DU LỊCH	125	8,11	3,3	Khá	Hạ hạng tốt nghiệp
4	DTE2158101030032	Đỗ Thị Hương Giang	19/06/2003	Thái Bình	Nữ	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH KHÁCH SẠN VÀ DU LỊCH	125	7,33	2,88	Khá	
5	DTE2158101030024	Phạm Minh Hiếu	23/10/2003	Bắc Kạn	Nam	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH KHÁCH SẠN VÀ DU LỊCH	125	8,34	3,45	Giỏi	
6	DTE2158101030017	Trần Khánh Huyền	05/12/2003	Hà Giang	Nữ	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH KHÁCH SẠN VÀ DU LỊCH	125	7,31	2,84	Khá	
7	DTE2158101030043	Lương Thị Ngọc Mai	30/08/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH KHÁCH SẠN VÀ DU LỊCH	125	7,51	2,91	Khá	
8	DTE2158101030011	Quách Thảo Nguyên	30/06/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH KHÁCH SẠN VÀ DU LỊCH	125	7,92	3,23	Giỏi	
9	DTE2158101030048	Keokhounphet Phou	01/01/1999	LÀO	Nữ	Người nước ngoài	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH KHÁCH SẠN VÀ DU LỊCH	125	7,7	3,04	Khá	
10	DTE2158101030036	Trần Thị Thảo	17/12/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH KHÁCH SẠN VÀ DU LỊCH	125	7,96	3,21	Giỏi	
11	DTE2158101030018	Hoàng Huyền Trang	12/11/2001	Thái Nguyên	Nữ	Sán Chí	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH KHÁCH SẠN VÀ DU LỊCH	125	7,27	2,74	Khá	

KHÓA 16, 17, 18

STT	Mã số sinh viên	Họ và Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Số tín chỉ tích lũy	Điểm Trung bình chung tích lũy hệ 10	Điểm Trung bình chung tích lũy hệ 4	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
12	DTE2158101030029	Dương Thị Hiền Trinh	08/08/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH KHÁCH SẠN VÀ DU LỊCH	125	6,98	2,61	Khá	
13	DTE2158101030035	Bùi Xuân Trung	13/07/2003	Thái Bình	Nam	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH KHÁCH SẠN VÀ DU LỊCH	125	7,22	2,74	Khá	

Ấn định danh sách 13 sinh viên. *fur*